

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



**ĐỀ ÁN  
PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**



**Hà Nội, tháng 10 năm 2023**

## MỤC LỤC

SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN .....	3
Phần thứ nhất .....	5
TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU .....	5
I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU .....	5
1. Trên thế giới .....	5
2. Ở Việt Nam. ....	6
II. KẾT QUẢ GÂY TRỒNG, PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU DƯỢC LIỆU .....	11
1. Diện tích phát triển cây dược liệu phân theo vùng sinh thái.....	11
2. Phân theo diện tích nhóm các cây dược liệu chính .....	15
3. Về công nhận giống, hcấp mã số vùng trồng và chứng nhận tực thành trồng trọt, thu hái nông nghiệp tốt (GACP).....	16
4. Về chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu .....	18
5. Về quy hoạch phát triển vùng trồng cây dược liệu .....	21
6. Các chính sách, quy định về phát triển cây dược liệu.....	24
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU.....	25
1. Kết quả đạt được .....	25
2. Một số khó khăn, hạn chế .....	26
3. Đánh giá tiềm năng phát triển cây dược liệu .....	29
Phần thứ hai .....	31
PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU.....	31
I. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT .....	31
1. Căn cứ pháp lý .....	31
2. Căn cứ khoa học, thực tiễn.....	33
II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU .....	34
1. Quan điểm .....	34
2. Mục tiêu của Đề án. ....	35
III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN .....	35
1. Phạm vi Đề án.....	35
2. Đối tượng.....	35
3. Thời gian thực hiện: từ năm 2023 đến hết năm 2030.....	36
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	36
1. Vùng Tây Bắc .....	36
2. Vùng Đông Bắc.....	36
3. Vùng Đồng bằng Sông Hồng.....	37

4. Vùng Bắc Trung Bộ .....	37
5. Vùng Nam Trung Bộ.....	38
6. Vùng Tây Nguyên .....	38
7. Vùng Đông Nam Bộ.....	38
8. Vùng Đồng bằng Sông cửu Long .....	39
V. NHIỆM VỤ.....	39
1. Xác định quỹ đất, quy mô vùng trồng.....	39
2. Hoàn thiện quy định, chính sách.....	39
3. Nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất giống cây dược liệu .....	39
4. Phát triển vùng nguyên liệu cây dược liệu.....	40
5. Tổ chức sản xuất, phát triển cơ sở sơ chế, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.....	40
VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	41
1. Rà soát quỹ đất, xác định diện tích phát triển vùng nguyên liệu .....	41
2. Về cơ chế, chính sách.....	41
2. Về khoa học, công nghệ.....	42
3. Về tổ chức sản xuất.....	42
4. Về chế biến, quảng bá, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. ....	43
5. Tuyên truyền, nâng cao năng lực, đào tạo .....	43
VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN.....	44
1. Căn cứ tính toán .....	44
2. Dự kiến nhu cầu và cơ cấu nguồn vốn.....	44
3. Nguồn vốn.....	44
VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN.....	44
1. Về kinh tế .....	44
2. Về xã hội .....	45
3. Về môi trường .....	45
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	45
1. Trách nhiệm các Bộ/ngành .....	45
2. Các tỉnh tham gia Đề án .....	48
Phần thứ 3.....	49
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ.....	49
I. KẾT LUẬN .....	49
II. KIẾN NGHỊ .....	49

## SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Việt Nam có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú và đa dạng trong đó có rất nhiều nguồn gen được ứng dụng làm thuốc phòng và chữa bệnh. Theo kết quả điều tra của Viện Dược liệu, đến nay đã thống kê được 5.117 loài cây dược liệu và dưới loài, thuộc 1823 chi, 360 họ của 8 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó có nhiều loài dược liệu quý về công dụng chữa bệnh và có giá trị kinh tế cao, như: Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis*), Tam thất (*Panax notoginseng*), Bảy lá một hoa (*Paris spp*), Lan kim tuyến (*Anoectochilus roxburghii*), Đảng sâm (*Codonopsis javanica*), Cầu tích (*Cibotium barometz*), ... được phân bố rộng khắp trên cả nước, tập trung nhiều nhất ở khu vực vùng núi, trong đó phân bố dưới tán rừng tự nhiên.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), 80% dân số ở các nước đang phát triển sử dụng y học cổ truyền và thuốc từ thảo dược để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu. Doanh thu hàng năm thị trường sản phẩm thảo dược toàn cầu đạt trên 200 tỷ USD; trong đó nhu cầu về dược liệu, thuốc từ dược liệu có xu hướng ngày càng gia tăng. Trong vài thập niên gần đây, nhiều nước đã và đang đẩy mạnh việc nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu để hỗ trợ, phòng ngừa và điều trị bệnh. Theo thống kê, mỗi năm Việt Nam cần khoảng 80.000 tấn dược liệu cho nhu cầu sử dụng trong nước, tuy nhiên đến 80% là nhập khẩu từ nước ngoài như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan..., ngoài ra, thuốc từ dược liệu chiếm tỷ lệ khoảng 30% thị trường thuốc trong nước.

Trong thời gian qua, nhiều địa phương đã tập trung phát triển cây dược liệu, đặc biệt là kết hợp tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng, điều kiện tự nhiên như các tỉnh: Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu, Quảng Nam, Kon Tum ... từ đó đã hình thành một số vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có đóng góp không nhỏ cho nguồn thu của địa phương; góp phần giảm nghèo, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho các hộ gia đình nhận đất, nhận rừng, nhất là người dân sinh sống ở vùng sâu, xa góp phần phát triển kinh tế-xã hội các tỉnh miền núi.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt, việc phát triển cây dược liệu, đặc biệt là trên đất lâm nghiệp còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh, như: (i) chưa nằm trong một kế hoạch tổng thể, phát triển còn mất cân đối; (ii) thiếu nguồn giống đảm bảo năng suất, chất lượng và chống chịu sâu bệnh; (iii) hoạt động phát triển cây dược liệu, đặc biệt dưới tán rừng còn thiếu tính bền vững; (iv) thiếu các chuỗi giá trị từ gây trồng, canh tác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm .

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 321/TB-VPCP ngày 06/10/2022, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các cơ quan có liên quan xây dựng Đề án “*Phát triển cây dược liệu*”, trong đó ưu tiên các tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ (có tỉnh Lào Cai) nhằm phát huy điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, đặc biệt là quý hiếm, cung cấp nguyên liệu cho phát triển ngành y-dược, góp phần phát triển kinh tế-xã hội vùng miền núi, gắn với đảm bảo quốc phòng-an ninh là rất cần thiết.

## **Phần thứ nhất**

### **TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**

#### **I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**

##### **1. Trên thế giới**

Theo báo cáo của Tổ chức Nông lương thế giới (FAO), hiện có hơn 35.000 loài thực vật được con người sử dụng để làm thuốc; trong đó xu hướng các ngành công nghiệp mỹ phẩm ngày càng có nhu cầu sử dụng các sản phẩm tự nhiên để chiết xuất làm thuốc. Báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho thấy khoảng 60% dân số thế giới dùng thuốc thảo dược, trong khi đó ở các nước đang phát triển, tỷ lệ người sử dụng thuốc từ thảo dược và các biện pháp chữa bệnh bằng y học cổ truyền khác để chăm sóc sức khỏe là khoảng 80%. Ở Châu Phi, có tới 80% dân số sử dụng thuốc thảo dược để chăm sóc sức khỏe trong khi ở Châu Á và Châu Mỹ Latinh, tỷ lệ này cao hơn vì hoàn cảnh lịch sử và tín ngưỡng văn hóa. Số liệu năm 2017 của WHO cho thấy, tỷ lệ tiêu thụ thuốc dược liệu của hai khu vực này chiếm 72,36% tổng lượng tiêu thụ toàn cầu.

Báo cáo của Công ty OZ Natural Health Pty Ltd của Úc năm 2018 cho thấy, ở các nước phát triển, nhu cầu về thực phẩm chức năng trung bình là 25 USD/người/năm, đó là chưa kể thuốc chữa bệnh và các loại trà thảo dược. Theo Tin tức và Tài nguyên dược phẩm toàn cầu (2021) thì tốc độ tăng trưởng hàng năm của thị trường dược liệu sẽ dao động tăng dần vào khoảng từ 5,34% đến 18,9% năm từ nay đến năm 2030. Nhu cầu về nguyên liệu dược sẽ tăng dần từ 15% đến 25% mỗi năm và giá trị mang lại sẽ tăng từ 83 tỷ USD năm 2019 tăng lên 550 tỷ vào năm 2030 và có thể đạt 5.000 tỷ USD vào năm 2050.

Theo thống kê của WHO, ở Trung Quốc doanh thu của thị trường thuốc từ dược liệu đạt khoảng 26 tỷ USD, Mỹ đạt 17 tỷ USD. Những nước sản xuất và cung cấp dược liệu ở Châu Á như: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam, Thái Lan, Bangladesh; ở Châu Phi như Madagasca, Nam Phi; ở Châu Mỹ La tinh như Brasil, Uruguay,... trong khi đó những nước nhập khẩu và tiêu dùng chủ yếu là Liên minh châu Âu (EU), chiếm 60% nhập khẩu của Thế giới.

- Tại Trung Quốc, trong tổng số hơn 6.000 loài cây thuốc chỉ có 100 loài cây có quy mô hàng hoá để phát triển công nghiệp dược và trở thành thế mạnh xuất khẩu của Trung Quốc. Quy hoạch phát triển dược liệu được chia thành 6 vùng trồng và khai thác bao gồm: (1) Sơn dược: gồm các tỉnh phía Đông Bắc như Hắc Long Giang, Cát Nhĩ Tân, Liêu Ninh, Cát Lâm; (2) Xuyên dược: chủ yếu được sản xuất và khai thác ở tỉnh Tứ Xuyên; (3) Triết dược: gồm các tỉnh Triết

Giang, Quảng Đông; (4) Hoài dược: gồm các tỉnh dọc theo sông Hoài; (5) Nam dược: gồm 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây; và (6) vùng dược liệu đặc biệt quan trọng được Trung Quốc hết sức quan tâm là vùng Tây Tạng. Trung Quốc đã tiến hành nhiều nghiên cứu đồng bộ về dược liệu, thuốc thảo mộc và đã có nhiều thành tựu lớn. Hiện nay, đã có rất nhiều khu trồng cây thuốc theo mô hình thực hành sản xuất tốt (GACP) được thiết kế ở Bạch Vân Sơn, Khu công nghệ cao Ninh Hạ trồng nhiều loài cây thuốc như: Bản lam căn, Xuyên tâm liên, Tây hoàng thảo, Đảng sâm, Củ mài gừng, Cam thảo... với diện tích hàng trăm nghìn ha.

- Ấn Độ đứng thứ 4 trên thế giới về có số loài cây thuốc đang bị đe dọa. Hiện tại, đã phát hiện 112 loài ở Nam Ấn Độ, 74 loài ở Bắc và Trung Ấn Độ, 42 loài ở vùng núi cao Himalaya đang trong tình trạng bị đe dọa trong tự nhiên. Ấn Độ có trên 30 tổ chức, cơ quan tham gia nghiên cứu trồng trọt cây thuốc. Trong 8.000 loài cây thuốc ở Ấn Độ, có khoảng 20 loài đang được ưu tiên nghiên cứu, 20 loài dùng trong công nghiệp sản xuất thuốc y học cổ truyền, 53 loài phục vụ công nghiệp dược, 1.250 loài được bảo tồn (trong đó có 450 loài cây thuốc quan trọng đang được sử dụng trong sản xuất cung cấp cho nhu cầu dược liệu trong nước và xuất khẩu), 29 loài bị cấm xuất khẩu và 66 loài thuộc diện có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng.

- Hàn Quốc: diện tích trồng dược liệu hàng năm cho tổng sản lượng đạt từ 26.000 - 40.000 tấn. Một số loài cây thuốc trồng nhiều là: Nhân sâm, Khởi tử, Dương qui, Bạch thược, Sinh địa, Hoàng kỳ... Riêng Nhân sâm, diện tích gây trồng trên 15.000 ha/năm, tổng sản lượng năm 2021 đạt khoảng 21.000 tấn, doanh thu từ Sâm và các sản phẩm từ Sâm đạt gần 2,5 tỷ USD. Hàn Quốc cũng là nước nhập khẩu dược liệu với số lượng lớn, khoảng 30.000 tấn/năm. Từ năm 2004, Hàn Quốc đã áp dụng qui trình trồng GACP trên 75 vùng sản xuất đối với 10 loài cây thuốc chính.

- In-đô-nê-sia có khoảng 7.000 loài cây thuốc, trong đó có 283 loài được sử dụng trong công nghiệp thuốc cổ truyền, 250 loài được khai thác trong tự nhiên và đã lựa chọn khoảng hơn 100 loài cây thuốc dùng trong phòng và chữa bệnh thường gặp để đưa vào trồng trọt. Indônêsi tập trung và ưu tiên phát triển 9 loài có nhu cầu lớn (trên 100 tấn/tháng) như Xuyên tâm liên, Nghệ, Nghệ sâm, Thục địa, Nhàu, Tiêu dọi, Ôi, Sắn thuyền, Gừng để sản xuất các loại thuốc chống lão hoá, tiểu đường, huyết áp cao, thấp khớp, kích thích miễn dịch

## **2. Ở Việt Nam.**

### **2.1. Về tài nguyên cây dược liệu**

Trong số hơn 12.000 loài thực vật bậc cao đã được biết ở Việt Nam, có 5.117 loài và dưới loài thuộc 1.832 chi, 360 họ của 8 ngành thực vật bậc cao có

mạch<sup>1</sup> được sử dụng làm thuốc. Trong đó, có nhiều loài cây dược liệu quý, hiếm vừa có công dụng chữa bệnh và giá trị kinh tế cao, được phân bố rộng khắp trên cả nước, tập trung nhiều nhất ở các quần thể rừng tự nhiên vùng núi cao, như: Sâm Ngọc linh, Sâm vũ diệp, Tam thất hoang, Bách hợp, Thông đỏ, Vàng đắng, Hoàng liên ô rô, Hoàng liên gai, Thanh thiên quý, Lan kim tuyến, ...

Việt Nam được ghi nhận là một trong 15 nước có tiềm năng lớn về nguồn dược liệu. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra và đánh giá của Viện Dược liệu, hiện tại nhiều loài cây thuốc có giá trị sử dụng và kinh tế cao trước đây có trữ lượng lớn, cho khai thác thì nay đã bị giảm sút nghiêm trọng về số lượng cũng như trữ lượng, cụ thể các loài cây như: Tam thất hoang, Thất diệp nhất chi hoa, Lan kim tuyến, Hà thủ ô đỏ, Vàng đắng, Hoàng liên, Ngũ gia bì gai, Ba kích, Cốt toái bổ, Đảng sâm, Hoàng tinh... Đã có 123 loài thuộc 53 họ được đưa vào Danh lục đỏ, Sách Đỏ Việt Nam; trong đó có tới 55 loài được phân hạng theo IUCN ở mức bị đe dọa tuyệt chủng. Giai đoạn trước những năm 1990, nhiều cây thuốc đã được di thực thành công và trồng đáp ứng đủ cho nhu cầu sử dụng trong nước thì nay đã phải nhập khẩu như: Đương qui, Bạch truật, Xuyên khung, Ngu tư bát, Huyền sâm... đây là những vị thuốc chiếm một tỷ trọng rất lớn trong điều trị bằng y học cổ truyền. Chỉ tính riêng mức sử dụng một loại dược liệu hay một vị thuốc của một bệnh viện y học cổ truyền cũng phải tới 4 - 5 tấn mỗi năm. Mặc dù hiện nay, thuốc tân dược được phát triển mạnh ở hầu khắp các nước trên Thế giới nhưng đại bộ phận dân cư các nước đang phát triển vẫn ưa chuộng sử dụng thuốc y học cổ truyền, đặc biệt trong chăm sóc sức khỏe ban đầu. Cùng với sự phát triển không ngừng của những tiến bộ khoa học, người ta càng hiểu biết nhiều hơn những giá trị của thảo dược trong phòng và chữa bệnh.

## 2.2. Về nuôi trồng, phát triển và khai thác cây dược liệu

Theo kết quả điều tra giai đoạn 2013-2015, hiện có khoảng 80 loài/nhóm loài cây dược liệu được nuôi trồng, có tiềm năng khai thác với trữ lượng ước tính khoảng 18.000 tấn. Trong đó có nhiều loài có tiềm năng khai thác lớn, như: Cầu tích (1.500 tấn), Ngũ gia bì chân chim (1.000 tấn), Bình vôi (800 tấn), Thiên nhiên kiện (500 tấn), Kê huyết đằng (500 tấn), Câu đằng (300 tấn), Sa nhân (200 tấn), Tắc kè đá (200 tấn), ...

Để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, nhiều địa phương đã xây dựng mô hình trồng một số loài cây thuốc để tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất, như: tỉnh Kon Tum và Quảng Nam đã đầu tư phát triển cây Sâm Ngọc Linh trồng tập trung dưới tán rừng; tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng được quy trình

---

<sup>1</sup> Danh mục cây thuốc Việt Nam năm 2016, Viện Dược liệu-Bộ Y tế



trồng cây thuốc tạo nguyên liệu cho sản xuất thuốc Angelin từ cây Đương qui Nhật Bản, Morantin từ Mướp đắng; vùng trồng cây Nghệ, Gừng, Sả xen với cây công nghiệp ở các tỉnh Tây Nguyên; vùng trồng Tràm để chưng cất tinh dầu ở tỉnh Quảng Trị, Đồng Tháp; vùng trồng cây Artisô và Chè dây tại tỉnh Lào Cai, Lâm Đồng; trồng Kim tiền thảo tại Bắc Giang; trồng Lan Kim tuyến, Đương quy tại tỉnh Hà Giang. Đặc biệt vùng trồng Quế tập trung chủ yếu ở Yên Bái với diện tích khoảng 80.000 ha; vùng trồng Hồi ở một số tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Quảng Ninh với diện tích khoảng 47.000 ha và một số cây khác.

### 2.3. Về bảo tồn và phát triển nguồn gen cây dược liệu

Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới bảo tồn nguồn gen và giống cây thuốc trong cả nước, trải dài ở các vùng sinh thái. Nội dung hoạt động của toàn hệ thống tập trung vào: Điều tra và thu thập nguồn gen, bảo tồn nguồn gen (bảo tồn tại chỗ, bảo tồn chuyển chỗ, bảo tồn trên trang trại), đánh giá các chỉ tiêu sinh học và tư liệu hóa nguồn gen, xây dựng cơ sở dữ liệu, khai thác nguồn gen, đào tạo và truyền thông.

*Điều tra cơ bản, thu thập nguồn gen:* Hoạt động điều tra cơ bản được nhiều Viện nghiên cứu, trường Đại học, vườn quốc gia... triển khai trên cả nước. Trong đó, một số đơn vị thực hiện thường xuyên như Viện Dược liệu, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trường Đại học Dược Hà Nội, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội<sup>2</sup>...

*Bảo tồn nguồn gen:* Song song với hoạt động điều tra là nghiên cứu bảo tồn những cây thuốc hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng, cây thuốc có giá trị, phương thức bảo tồn chủ yếu là bảo tồn tại chỗ (*in situ*) kết hợp với bảo tồn chuyển vị (*ex situ*). Các loài cây thuốc quý theo kinh nghiệm của các dân tộc được bảo tồn trên trang trại (on farm) thông qua việc hình thành các mô hình vườn cây thuốc, hiện đang được đặc biệt quan tâm phát triển thông qua các dự án liên quan đến bảo tồn tri thức bản địa và phát triển dược liệu trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam ở các tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Sơn La, Lạng Sơn, Yên Bái, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế... Viện Dược liệu hiện đang được Bộ Y tế giao quản lý mạng lưới bảo tồn và lưu giữ nguồn gen cây thuốc với 1.423 nguồn gen thuộc 904 loài tại các vườn bảo tồn trên địa bàn thị xã Sa Pa (tỉnh Lào Cai), huyện Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc), huyện Thanh Trì (thành phố Hà Nội) và các tỉnh Thanh Hoá, Phú Yên, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong số các loài đang được bảo tồn và lưu giữ có nhiều loài quý hiếm thuộc diện có nguy cơ bị tuyệt chủng, loài đặc hữu; loài có giá trị kinh tế; loài có nguồn gốc từ nước

---

<sup>2</sup> Báo cáo của Viện Dược liệu năm 2021.

ngoài đã thích nghi và có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất dược liệu ở Việt Nam. Các nguồn gen này thiết thực phục vụ công tác nghiên cứu chọn tạo giống và công tác nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu về thuốc, dược liệu của ngành và cho cộng đồng.

Từ năm 2011 đến nay, thông qua chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen cấp Quốc gia, nhiều đề tài nghiên cứu đã và đang được triển khai nhằm đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu, khai thác và phát triển nguyên liệu làm thuốc cho một số loài cây dược liệu. Trong đó, tiêu biểu là Viện Dược liệu đã chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị nghiên cứu trên một số loài như: Đảng sâm Việt Nam, Hà thủ ô đỏ, Ngũ vị tử, sâm Ngọc Linh, Bạch truật, sâm Bồ chính, Cát cánh, Độc hoạt, Kim ngân, Huyền sâm...từ đó đã xây dựng cơ sở dữ liệu về phân bố và đa dạng nguồn gen cây thuốc, vườn giống gốc, tiêu chuẩn giống, mô hình nhân giống, mô hình trồng và sơ chế dược liệu. Kết quả đạt được từ các nhiệm vụ này là tiền đề cho việc nhân rộng mô hình trồng ở quy mô lớn hơn nhằm phát triển vùng nguyên liệu cho ngành công nghiệp dược.

2.4. Về nghiên cứu phát triển giống và các giải pháp kỹ thuật trồng, canh tác cây dược liệu

Để tạo ra các công nghệ có thể ứng dụng trong thực tiễn phát triển dược liệu, những năm gần đây các cơ quan đơn vị nghiên cứu của ngành dược, trong đó chủ yếu là Viện Dược liệu đã tập trung nghiên cứu các lĩnh vực bao gồm:

- Về giống cây dược liệu:

+ Đã thực hiện nhiều dự án/chương trình về đánh giá, chọn tạo, khảo nghiệm giống dược liệu có năng suất cao, chất lượng tốt; nghiên cứu sản xuất cây giống sạch bệnh.

+ Tập trung nghiên cứu tuyển chọn giống cho nhiều loài cây dược liệu như Ngu tấu, Bồ công anh, Địa liên, Cúc hoa vàng, Hương nhu tía, Hy thiêm, Cà gai leo, Gấc, Nhân nhân, Xuyên tâm liên, Địa hoàng... đã xây dựng bộ tiêu chuẩn khảo nghiệm cho các giống dược liệu đã chọn lọc để đánh giá và phát triển vùng trồng ở các địa phương.

+ Ban hành quy trình nhân giống, trồng và sơ chế dược liệu cho hơn 60 loài cây dược liệu khác nhau bao gồm: 195 quy trình và 21 tiêu chuẩn cây giống, hạt giống dược liệu, tiếp tục chuẩn hóa các quy trình để áp dụng vào sản xuất.

- Về gây trồng, phát triển, chăm sóc cây dược liệu:

Theo quy định của Bộ Y tế, một trong những yêu cầu bắt buộc đối với các cơ sở nuôi trồng dược liệu là các khâu trong quá trình sản xuất dược liệu đều phải tuân thủ theo một quy trình kỹ thuật nhất định được ban hành dựa trên

kết quả nghiên cứu khoa học hoặc các tài liệu đã được công bố...nhằm thực hiện quy trình thẩm định và đánh giá vùng trồng dược liệu, cụ thể:

+ Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình trồng dược liệu theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn “*Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc- GACP*” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO).

+ Nghiên cứu xác định thành phần sâu bệnh hại và xây dựng quy trình phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại hiệu quả, an toàn.

+ Thẩm định 45 quy trình trồng và sơ chế dược liệu cho một số đơn vị như: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam, Công ty Traphaco, Nam Dược, công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng... nhằm thực hiện quy trình thẩm định và đánh giá vùng trồng dược liệu đạt chuẩn GACP-WHO.

- Nghiên cứu các phương pháp sơ chế, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế và bảo quản dược liệu.

## 2.5. Về nhu cầu sử dụng dược liệu trong nước

Nhu cầu sử dụng dược liệu làm thuốc trong nước ước tính từ 60.000 - 80.000 tấn/năm; tuy nhiên, sản lượng nuôi trồng và khai thác dược liệu mới đáp ứng được khoảng từ 20% đến 30%, lượng còn lại chủ yếu được nhập khẩu. Diện tích, năng suất và sản lượng cây dược liệu sản xuất trong nước còn rất hạn chế. Việc nuôi trồng nhiều loại dược liệu chủ yếu do nông dân ở vùng sâu, vùng xa thực hiện, cơ sở hạ tầng còn thiếu, quỹ đất manh mún, khó hình thành vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ cao để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm cho người sản xuất.

*Về nhập khẩu:* theo thống kê, tốc độ tăng trưởng của ngành dược đạt hai con số hàng năm và đạt khoảng 6,4 tỷ (năm 2021); tổng giá trị chế phẩm thuốc từ dược liệu ước khoảng 440 triệu USD, trong đó chế phẩm từ dược liệu ước khoảng 330 triệu USD và vị thuốc khoảng 110 triệu USD. Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu 375 triệu USD nguyên liệu, phụ liệu dược phẩm, trong đó gần 80% là từ Trung Quốc và Ấn Độ. Năm 2019, Việt Nam nhập khẩu hơn 3,0 tỷ dược phẩm và 390 triệu USD nguyên phụ liệu dược phẩm<sup>3</sup>. Thị trường nhập khẩu dược phẩm nhiều nhất từ Pháp (khoảng hơn 410 triệu USD) và Đức (khoảng hơn 320 triệu USD); nguyên phụ liệu dược phẩm từ Trung Quốc (248 triệu USD) và Ấn Độ (65 triệu USD).

---

<sup>3</sup> Triển vọng ngành dược Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, theo Business.gov.vn.

- *Về xuất khẩu*: Theo thống kê<sup>4</sup>, năm 2019 xuất khẩu dược phẩm của Việt Nam đạt gần 200 triệu USD, chiếm tỷ lệ bằng 5,7% so với giá trị nhập khẩu, thị trường chủ yếu là: Nhật Bản (chiếm 35%), Singapore, Cam-pu-chia, Hàn Quốc...

Theo đánh giá, nhu cầu dược liệu trong nước là khoảng 60.000 tấn/năm-80.000 tấn/năm, gồm: phục vụ công nghiệp dược khoảng 20.000-30.000 tấn; phục vụ hệ thống chữa bệnh bằng y học cổ truyền từ 20.000 tấn-25.000 tấn và sản xuất thực phẩm chức năng khoảng 20.000-25.000 tấn/năm. Ngoài ra, dược liệu Việt Nam còn có tiềm năng xuất khẩu hàng ngàn tấn sản phẩm, gồm có: Quế, Hồi, Thảo quả, Hòe, Địa liền, Hương nhu, Cúc hoa,, Ích mẫu, Actiso, Đương quy, Bạch truật, Bạc hà, ... Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong giai đoạn 2012-2016, các doanh nghiệp trong nước đã xuất khẩu khoảng 1.000-5.000 tấn/năm dược liệu, với giá trị khoảng 15-20 triệu USD/năm. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước Châu Á, như: Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và một số nước như Pháp, Nga. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu nhóm sản phẩm dược liệu gia vị (quế, hồi) đạt giá trị cao nhất với kim ngạch khoảng 200-300 triệu USD/năm.

## **II. KẾT QUẢ GÂY TRỒNG, PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU DƯỢC LIỆU**

Theo số liệu được tổng hợp từ báo cáo của 48 tỉnh, thành phố, đến cuối năm 2022, tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 357.178 ha, trong đó diện tích trồng trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp, trồng dưới tán rừng là 220.178 ha; trồng trên đất nông nghiệp, cả cây lâu năm và cây ngắn ngày là: 137.000 ha, tổng số loài cây dược liệu gây trồng là 150 loài cây khác nhau, cụ thể:

### **1. Diện tích phát triển cây dược liệu phân theo vùng sinh thái**

#### **1.1. Vùng Tây Bắc Bộ**

Tổng diện tích gây trồng, phát triển cây dược liệu là: 46.181 ha, bao gồm: 57 loài, trong đó chủ yếu là cây Quế: 10.312 ha (chiếm 22,3%); Thảo quả: 6.543,7 ha (chiếm 14,1%); Sơn Tra (Táo mèo): 14.634 ha (chiếm 31,6%); các loài khác bao gồm: Sa nhân, Hà thủ ô, Bảy lá một hoa, Sả, Đỗ trọng, Cỏ thơm, Nghệ... chiếm: 32,0 %. Nhiều loài cây dược trồng cả trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp (Quế, Thảo quả, Sa nhân) và trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (Quế, Sơn Tra).

---

<sup>4</sup> Triển vọng ngành dược Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, theo Business.gov.vn.



### 1.2. Vùng Đông Bắc Bộ

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 270.565 ha, bao gồm: 59 loài; trong đó cây trồng chủ yếu là: Quế: 160.207 ha (chiếm 59,2%), Hồi: 59.525 ha (chiếm 22,0%), Thảo quả: 16.155 ha (chiếm 6,0 %), Ba Kích: 2.936 ha (chiếm 1,08%); Sa nhân: 2.630 ha (chiếm 0,97%); các loài khác: Chè dây, Nghệ, Sả, Trà hoa vàng, Lá khô, Cát sâm... chiếm gần 11% (khoảng 29.700 ha). Diện tích gây trồng phát triển chủ yếu trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp (Quế, Hồi, Thảo quả, Sa Nhân, Ba Kích), đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (Quế, Hồi).



### 1.3. Vùng đồng bằng Sông Hồng

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 1.214 ha trồng trên đất nông nghiệp lâu năm và hàng năm, bao gồm 10 loài cây dược liệu chủ yếu; trong đó cây trồng chính là: Đinh Lăng: 390 ha (chiếm 32,1%); Sả: 86 ha; Hòe: 63 ha; Nghệ: 38.7 ha...; các loài khác Nghệ, Thìa canh, Ngải cứu... chiếm 53% tổng diện tích.

### 1.4. Vùng Bắc Trung Bộ



Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 7.400 ha, bao gồm 52 loài cây dược liệu; trong đó cây trồng chủ yếu là: Tràm 2.500 ha (chiếm 33,8%); Sa nhân: 1.650 ha (chiếm 22,3%); Nghệ: 1663 ha (chiếm 22,4%); các loài khác: Thảo đậu khấu, Thiên niên kiện, Chè vằng, Đinh lăng... 21,5%. Diện tích gây trồng phát triển chủ yếu trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp (Sa nhân, Tràm); đất trồng cây nông nghiệp hàng năm và lâu năm như (Nghệ, Đinh lăng...).

### 1.5. Vùng Nam Trung Bộ

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 15.498 ha; bao gồm 38 loài cây dược liệu; trong đó loài cây trồng chủ yếu là: Quế: 6.100 ha, chiếm 39,3%; Sâm Ngọc Linh: 6.429 ha (trồng rải rác dưới tán rừng), chiếm 41,4 %; các loài khác: Đẳng sâm, Ba kích, Giảo cổ lam... chiếm: 19,3%. Diện tích gây trồng phát triển chủ yếu trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp (Quế, Sâm Ngọc Linh, Ba kích), đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (Quế).



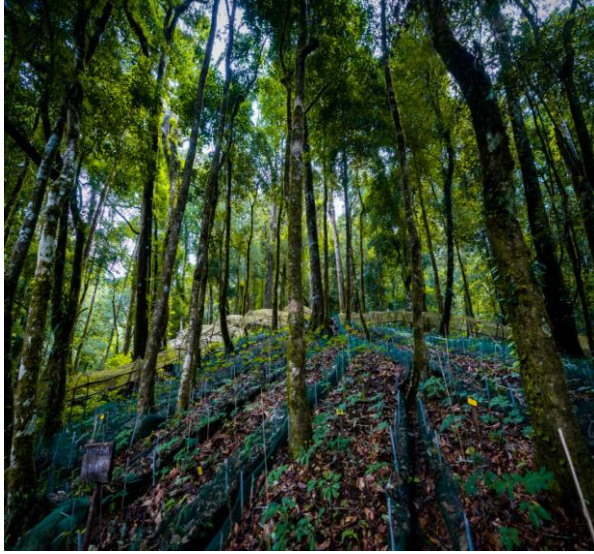

Vườn ươm cây giống tại tỉnh Quảng Nam



Phiên chợ dược liệu tại tỉnh Quảng Nam

### 1.6. Vùng Tây Nguyên

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 13.330 ha, bao gồm: 24 loài cây dược liệu; trong đó loài cây trồng chủ yếu là: cây Nghệ: 2.894 ha (chiếm 21,7%); Sâm Ngọc Linh: 1.750 ha (chiếm 13,1%); cây gừng: 1.179 ha (chiếm 8,9 %); cây Sả: 1.161 ha (chiếm 8,7%); các loài khác: Đẳng sâm, Đinh lăng, Cà gai leo, Sa chi, Đương quy, Actiso, Gấc... 47,6%. Diện tích gây trồng phát triển chủ yếu trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp: Sâm Ngọc Linh (dưới tán rừng tự nhiên); trồng xen canh với cà phê, tiêu trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm như các loài cây như: cây Nghệ, Gừng, Sả.

	
<p>Trồng Sâm Ngọc Linh dưới tán rừng Tại tỉnh Kon Tum</p>	<p>Trồng xen cây dược liệu với cây cà-phê tại tỉnh Gia Lai</p>

### 1.7. Vùng Đông Nam Bộ

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 1.045 ha, bao gồm 18 loài cây dược liệu; trong đó cây trồng chủ yếu là: Ươi: 650 ha (chiếm 62%); Dó bầu: 180 ha (chiếm 17,2%); Nhàu: 80 ha (chiếm 7,6%); các loài cây khác chiếm gần 13,2% tổng diện tích.

### 1.8. Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu là: 1.935 ha, bao gồm 11 loài cây dược liệu; trong đó cây trồng chủ yếu là: Nhàu, Đinh lăng, Ngải cứu, Dó bầu...được trồng trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và cây hàng năm. Chi tiết tại Bảng số 01.

**Bảng 01: Tổng hợp diện tích, loài cây dược liệu chính theo vùng sinh thái**

TT	Vùng sinh thái	Tổng diện tích (ha)	Số loài	Loài có diện tích lớn
	<b>Tổng</b>	<b>357.178</b>		
1	Tây Bắc Bộ	46.181	57	Quế, Thảo quả, Sơn Tra, Sa nhân, Hà thủ ô
2	Đông Bắc Bộ	270.565	59	Quế, Hồi, Thảo quả, Sa Nhân, Ba Kích, Chè dây, Nghệ, Sả

3	Đồng bằng Sông Hồng	1.214	10	Đình Lãng, Sả, Nghệ, Hòe
4	Bắc Trung bộ	7.400	52	Tràm, Sa nhân, Nghệ
5	Nam Trung Bộ	15.498	38	Quế, Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Ba Kích, Giảo cổ lam
6	Tây Nguyên	13.330	24	Nghệ, Gừng, Sả, sâm Ngọc Linh, Đảng Sâm, Cà gai leo, Sa chi, Đương quy, Artisô
7	Đông Nam Bộ	1.045	18	Ưoi, Dó bầu, nhàu, Nấm
8	Đồng bằng S cửu Long	1.945	11	Nhàu, Đình lãng, Nghệ, Ngải cứu..

## 2. Phân theo diện tích nhóm các cây dược liệu có diện tích lớn

Trong tổng số diện tích 356.033 ha cây dược liệu hiện có, một số loài có diện tích lớn như cây Quế chiếm hơn 50% tổng diện tích (gần 180.000 ha), cây Hồi chiếm 16,7%, cây Thảo quả chiếm khoảng 10%...được gây trồng tập trung, hình thành các vùng nguyên liệu cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu như vùng trồng cây Quế tại các tỉnh Yên Bái, Lào Cai; vùng trồng cây Hồi tại tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh; vùng trồng cây Sâm Việt Nam tại tỉnh Lai Châu và tỉnh Quảng Nam, Kon Tum... Chi tiết tại Bảng số 02.

**Bảng 02: Tổng hợp một số vùng trồng nguyên liệu dược liệu có diện tích lớn**

TT	Loài cây	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn/năm)	Vùng trồng chính
1	Quế	179.470	30.000	Yên Bái, Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Giang, Quảng Nam, Quảng Ngãi
2	Hồi	59.535	16.000	Lạng Sơn, Quảng Ninh
3	Thảo quả	35.718	9.791	Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái
4	Sơn Tra	23.645	31.577	Yên Bái, Sơn La
5	Sa Nhân	4.562	5.295	Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu
6	Sâm Ngọc Linh	7.722		Quảng Nam, Kon Tum
7	Ba Kích	3.375	1.000	Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ



8	Nghệ	5.017	12.076	Các tỉnh Tây Nguyên
9	Sà	2.955	11.770	Các tỉnh Tây Nguyên
10	Gừng	1.672	16.515	Các tỉnh Tây Nguyên
11	Đinh Lăng	1.406	3.114	Các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Bắc trung bộ

### **3. Về công nhận giống, cấp mã số vùng trồng và chứng nhận thực thành trồng trọt, thu hái nông nghiệp tốt (GACP).**

#### **3.1. Về công nhận giống cây dược liệu**

Thực hiện Luật Trồng trọt năm 2018 về công nhận lưu hành giống cây trồng, tính đến tháng 4/2023, đã có 11 giống cây trồng dược liệu được công bố lưu hành, bao gồm: Sâm Ngọc Linh, Đảng Sâm, Hà Thủ ô, Diệp hạ châu, Cà gai leo, Hương thảo, Quế, Thiên hiên đông, Độc hoạt, Hoài Sơn, Khôi nhung<sup>5</sup>

#### **3.2. Về cấp mã số vùng trồng cây dược liệu**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã mang lại cho ngành nông sản Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức do đó việc mở cửa thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng nông sản là một trong những nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu của ngành Nông nghiệp. Để xuất khẩu thành công, các sản phẩm nông sản của Việt Nam không chỉ đảm bảo về chất lượng mà còn phải đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm dịch thực vật và truy xuất nguồn gốc của nước nhập khẩu ngày càng cao; theo đó nhiều nước đòi hỏi bắt buộc nông sản nhập khẩu phải có mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia và Cơ quan kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu công nhận.

Hiện nay việc cấp mã số vùng trồng được thực hiện chủ yếu do yêu cầu của thị trường (quốc gia) nhập khẩu; đối với một số loài cây dược liệu, hiện nay có thị trường Trung Quốc mới chỉ có đề nghị phía Việt Nam gửi thông tin loài cây dược liệu xuất khẩu chứ chưa có yêu cầu về cấp mã số vùng trồng.

Tuy nhiên, trước yêu cầu về kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và an toàn sản phẩm, có thể thấy, việc quản lý tốt mã số vùng trồng là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết; là giải pháp then chốt để đảm bảo chất lượng, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

<sup>5</sup> Theo cơ sở dữ liệu của Cục Trồng trọt

### 3.3. Về cấp giấy chứng nhận GACP

Nhằm kiểm tra chất lượng nguyên liệu dược phẩm, Tổ chức y tế Thế giới (WHO) đã ban hành và phát triển tài liệu hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến kiểm tra chất lượng các loại thuốc thảo dược về “*Thực hành tốt trồng trọt và thu hái*” gọi là tiêu chuẩn GACP là “Good Agricultural and Collection Practices”, bao gồm hai nội dung chính (1) Thực hành tốt trồng cây thuốc (GAP) và (2) Thực hành tốt thu hái cây thuốc hoang dã (GCP).

Trong đó, GACP-WHO bao gồm việc sản xuất theo hướng dẫn lựa chọn địa điểm, việc sử dụng đất đai, phân bón, nước, phòng trừ sâu bệnh, thu hái, tồn trữ, vệ sinh đồng ruộng và vận chuyển sản phẩm... nhằm phát triển nền nông nghiệp bền vững với mục tiêu là đảm bảo an toàn cho sản phẩm, đảm bảo an toàn cho người sản xuất, bảo vệ môi trường và truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

Đối với vùng trồng dược liệu, để đạt tiêu chuẩn GACP mỗi quy trình, công đoạn cho từng loài cây thuốc lại có yêu cầu riêng. Từng yếu tố ảnh hưởng, tiêu chí đánh giá cho mỗi giai đoạn đều cần phải tuân thủ theo tiêu chuẩn cao nhất của Tổ chức Y tế Thế giới WHO.

Tính đến tháng 4/2023, Cục Quản lý Y dược cổ truyền (Bộ Y tế) đã cấp 67 giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP, cho 30 doanh nghiệp, với tổng diện tích: 41.746 ha cho 40 loài (chủ yếu gây trồng trên đất nông nghiệp). Trong đó diện tích cây dược liệu tại tỉnh Lào Cai được cấp chứng nhận GACP nhiều nhất với 15 giấy chứng nhận với tổng diện tích: 35.161 ha, chiếm 84,2% tổng diện tích cây dược liệu đạt chứng nhận GACP của cả nước.



## 4. Về chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu

### 4.1. Nhóm cây dược liệu gia vị

Nhóm dược liệu gia vị chủ yếu tại các tỉnh miền núi phía Bắc, chủ yếu là các cơ sở sơ chế, chế biến với quy mô nhỏ, chủ yếu sơ chế các sản phẩm tinh dầu Quế, Hồi; sơ chế các loại dược liệu như Thảo quả, Sa nhân, cụ thể:

#### - Cây Quế

Trồng chủ yếu tại các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, cây Quế được xác định là loài cây trồng mũi nhọn, là cây đa tác dụng (cho sản phẩm gỗ để chế biến đồ mộc, vỏ để chế biến dược – thực phẩm, cành lá để chế biến tinh dầu, chế biến bột quế, làm đồ thủ công mỹ nghệ...) có giá trị kinh tế cao và ổn định (từ năm thứ 4 trở đi có thể tía thưa, thu hoạch cành lá để chế biến tinh dầu với chu kỳ kinh doanh kéo dài đến trên 20 năm).

Diện tích Quế hiện nay tại 02 tỉnh là trên 130.000 ha (chiếm khoảng 72%), trong đó diện tích sản xuất Quế hữu cơ liên kết theo chuỗi giá trị, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước chiếm khoảng 10% tổng diện tích. Năm 2022, sản lượng khai thác từ Quế trên địa bàn khoảng 23.000 tấn vỏ quế khô; gỗ quế tận thu sau khai thác vỏ trên 200.000 m<sup>3</sup>; khoảng 100.000 tấn cành lá quế, cung cấp nguyên liệu để chế biến dược phẩm, thực phẩm, tinh dầu quế... phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh 02 tỉnh Yên Bái và Lào Cai có 25 nhà máy chiết xuất tinh dầu quế với công nghệ lò hơi để chiết xuất tinh dầu, tổng công suất là 1.400 tấn sản phẩm tinh dầu/năm. Ngoài ra, còn có khoảng 400-500 cơ sở chế biến tinh dầu quế quy mô nhỏ lẻ hộ gia đình (khoảng 300 kg sản phẩm/năm, nhưng hoạt động không thường xuyên), chủ yếu hoạt động theo phương pháp thủ công, sản lượng chế biến tinh dầu mỗi năm bình quân 300-800 kg/cơ sở; sản phẩm tinh dầu quế chủ yếu là sản phẩm tinh dầu thô (hàm lượng tinh dầu quế đạt 82-85%), có giá trị thấp khoảng từ 550- 650 nghìn đồng/kg. Sản phẩm tinh dầu quế này sau khi xuất khẩu, tiếp tục được tinh chế thành các loại tinh dầu có giá trị sử dụng cao, được sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp y dược, công nghiệp chế biến thực phẩm, mỹ phẩm, hương liệu.

Quế vỏ và phần lớn tinh dầu quế chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ và Trung Đông... riêng Thị trường châu Âu và Bắc Mỹ đang rất lớn nhưng đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng cao và nghiêm ngặt nên sản phẩm quế còn gặp nhiều khó khăn trong việc gia nhập thị trường này. Về thị trường tiêu thụ tinh dầu quế: khoảng 85% sản lượng tinh dầu quế của tỉnh được xuất khẩu sang thị Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản... còn lại khoảng 15% sản lượng tinh dầu Quế được tiêu dùng trong nước.

Các sản phẩm chế biến đồ thủ công mỹ nghệ, bột quế... chủ yếu phục vụ cho nhu cầu trong nước. Đối với sản phẩm vỏ quế: chủ yếu do người dân tự sơ chế, bảo quản và bán cho các tiểu thương nên giá thành thường thấp, chưa tạo thành chuỗi giá trị các sản phẩm chủ yếu là quế thanh, quế ống điều, bột Quế, quế ống sáo...tuy nhiên chỉ ở mức độ là đơn vị trung gian để xuất khẩu sản phẩm sơ chế; thị trường tiêu thụ vỏ quế chủ yếu là Ấn Độ, Trung Quốc.



Sản phẩm Quế của tỉnh Yên Bái



Sản phẩm tinh dầu Hồi của tỉnh Lạng Sơn

### - Cây Hồi

Cây Hồi được trồng chủ yếu tại các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh và Cao Bằng, trong đó diện tích cây Hồi tại tỉnh Lạng Sơn là 41.400 ha (chiếm gần 70% tổng diện tích); diện tích rừng Hồi đang cho thu hoạch ổn định khoảng 31.000 ha; Sản lượng Hồi khô bình quân đạt 12.000 – 15.000 tấn/năm, doanh thu từ Hồi và sản phẩm từ cây Hồi đạt 1.730 tỷ đồng (năm 2021).

Việc sơ chế, chế biến chủ yếu là thái lát, phơi, sấy thủ công và được bảo quản trong bao tải hoặc bọc trong túi nilon; một số hộ gia đình có điều kiện thì sấy bằng lò hơi. Còn lại sản lượng dược liệu thu hoạch được nông dân chủ yếu bán sản phẩm tươi cho thương lái, các thương lái tiến hành sơ chế rồi bán ra thị trường. Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 cơ sở chế biến tinh dầu Hồi. Nhìn chung, các cơ sở chế biến với công nghệ còn thô sơ, thủ công (phơi, đóng, chiết xuất tinh dầu Hồi bằng nồi chưng cất truyền thống) nên hiệu quả, giá trị sản xuất chưa cao.

Sản phẩm hồi đã được Cục Sở Hữu trí tuệ Việt Nam cấp chứng nhận về Chỉ dẫn địa lý. Tinh dầu Hồi, hoa Hồi Lạng Sơn được đánh giá cao về chất lượng và được xuất khẩu sang một số nước, như: Trung Quốc, Ấn Độ, Anh,

Malaysia, Indonesia...và đang hướng tới các thị trường Bắc Mỹ, Pháp, Đức, Nga và các nước châu Âu khác

- Nhóm cây Thảo Quả, Sa Nhân

Diện tích cây Thảo Quả trên 34.660 ha, được phát triển dưới tán rừng; chủ yếu trên địa bàn các tỉnh: Lào Cai: 16.000 ha (chiếm khoảng 46,4%), tỉnh Hà Giang: gần 12.000 ha (chiếm 34,6%), tỉnh Lai Châu: 6.440 ha (chiếm 18,5%). Đối với cây Sa Nhân: tổng diện tích khoảng 11.614 ha, chủ yếu ở các tỉnh: Điện Biên: 6.288 ha (chiếm 54,1%); Lào Cai: 2.629 ha (chiếm 22,6%); tỉnh Lai Châu: 2.325 ha (chiếm 20%).

Phần lớn diện tích cây dược liệu được trồng tự phát không có liên kết tiêu thụ ổn định do nhân dân tự sản xuất bán cho thương lái trong và ngoài tỉnh để xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc. Các hình thức tổ chức sản xuất trên địa bàn tỉnh vẫn còn mang tính tự phát, các hình thức hợp tác (Hợp tác xã, tổ đội sản xuất, hiệp hội, công ty...) hầu như còn ít và vẫn chưa phát huy hết vai trò và hiệu quả.

b) Nhóm làm dược phẩm chế biến sâu

- Nhóm cây Sâm Việt Nam (Sâm Ngọc Linh, Sâm Lai Châu)

Hiện nay do sản lượng Sâm Việt Nam rất ít, về cơ bản chủ yếu là sơ chế, chế biến theo phương pháp truyền thống như: ngâm rượu, ngâm mật ong, sấy khô để tiêu thụ. Một số doanh nghiệp tại tỉnh Kon Tum và Quảng Nam bước đầu hình thành được chuỗi sản xuất từ trồng, thu hoạch, chế biến sâu và phân phối sản phẩm đối với Sâm Ngọc Linh. Các sản phẩm đã có thương hiệu trên thị trường trong nước cụ thể: Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Kon Tum trồng, khai thác và chế biến và phân phối các sản phẩm từ củ, lá Sâm Ngọc Linh cho ra các sản phẩm như: rượu sâm, tinh Sâm SK5, trà túi lọc Sâm, nước yến Sâm, mật ong Sâm, thực phẩm bổ sung nước tăng lực... Công ty Sâm Sâm, tỉnh Quảng Nam đã đầu tư nhà máy chế biến sản phẩm trong khu công nghiệp chế biến khoảng 10 sản phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe dưới dạng viên nang, ngâm rượu, mật ong có nguồn gốc từ sâm Ngọc Linh, như: Saphraton, Savigout, Savitim, Sapentol... đã được Cục An toàn thực phẩm Bộ Y tế cấp phép.

Thị trường tiêu thụ sâm và các sản phẩm từ sâm chủ yếu là trong nước, qua thương lái hoặc người tiêu dùng mua trực tiếp tại vườn: chủ yếu là bán sản phẩm thô (củ, lá, thân), đây là hình thức tiêu thụ chủ yếu của hộ gia đình trồng sâm. Một số doanh nghiệp đã liên kết với hộ gia đình trồng sâm cung ứng cây giống, vật tư, kinh phí, sau đó thu mua hoặc chia sẻ lợi ích với các hộ gia đình. Một số doanh nghiệp đã đầu tư chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, thành lập hệ



thông đại lý tại một số thành phố lớn để phân phối sản phẩm như: Công ty Sâm Ngọc Linh, Kon Tum; Công ty Sâm Sâm...

	
<p>Sản phẩm Sâm Ngọc Linh</p>	<p>Sản phẩm thuốc bảo vệ sức khỏe có thành phần từ Sâm Ngọc Linh</p>

- Loại khác: Chủ yếu được gây trồng tập trung trên đất nông nghiệp, được thực hiện theo quy trình canh tác, bao gồm các loài cây như: Đảng sâm, Đinh lăng, Cà gai leo, Sa chi, Đương quy, Actiso, Cát cánh, Ý dĩ, Hà thủ ô...trong đó đã được cấp 67 giấy chứng nhận được liệu đạt tiêu chuẩn GACP cho 30 doanh nghiệp, với tổng diện tích: 41.746 ha cho 40 loài.

### c) Cơ sở chế biến sâu

Theo thống kê, cả nước hiện có khoảng 180 doanh nghiệp sản xuất dược phẩm, có 271 cơ sở sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP, hầu hết phân bố tập trung tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng (Thành phố Hà Nội, tỉnh Hưng Yên, Nam Định, Bắc Ninh); Nam Trung Bộ (Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa) và Đông Nam Bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Long An) và hơn 300 cơ sở kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành<sup>6</sup>. Các tỉnh trung du miền núi Bắc bộ không có cơ sở nào đạt tiêu chuẩn GMP.

## 5. Về quy hoạch phát triển vùng trồng cây dược liệu

### 5.1. Quy hoạch phát triển cây dược liệu

- Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>6</sup> Triển vọng ngành dược Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, theo Business.gov.vn.

Theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt, theo đó tập trung phát triển các loài dược liệu ở quy mô lớn với tổng diện tích cây dược liệu phát triển là: 28.300 ha (Quế 2.000 ha; Hồi 500 ha...) , bao gồm 8 vùng trồng, trong đó lựa chọn và trồng 54 loài, chọn lọc và khai thác tự nhiên 24 loài, sản lượng khoảng 113.230 tấn. Tuy nhiên hiện nay nhóm loài cây Quế, Hồi, Sa Nhân, Sả, gừng... đã vượt quá diện tích. Các vùng quy hoạch phát triển cây dược liệu bao gồm:

+ Vùng núi cao có khí hậu Á nhiệt đới: các tỉnh Lào Cai (Sa Pa), Lai Châu (Sìn Hồ), Hà Giang (Đồng Văn, Quản Bạ): Quy hoạch gồm 04 loài bản địa: Bình vôi, Đảng sâm, Hà thủ ô đỏ, Tục đoạn và 09 loài nhập nội: Actiso, Đỗ trọng, Độc hoạt, Đương quy, Hoàng bá, Mộc hương, Ô đầu, Tam thất, Xuyên khung. Diện tích quy hoạch phát triển là 2.550 ha

+ Vùng núi trung bình có khí hậu Á nhiệt đới: các tỉnh Lào Cai (Bắc Hà), Sơn La (Mộc Châu) và Lâm Đồng (Đà Lạt), quy hoạch gồm 05 loài bản địa: Bình vôi, Đảng sâm, Hà thủ ô đỏ, Tục đoạn, Ý dĩ và 7 loài nhập nội: Actiso, Bạch chỉ, Bạch truật, Đỗ trọng, Dương cam cúc, Đương quy, Huyền sâm. Diện tích quy hoạch phát triển là 3.150 ha, ưu tiên phát triển các loài: Bạch Truật, Đỗ Trọng và Actisô

+ Vùng Trung du miền núi Bắc bộ: các tỉnh Bắc Giang, Yên Bái, Quảng Ninh, Lạng Sơn, quy hoạch gồm 13 loài bản địa: Ba kích, Đinh Lăng, Địa liên, Gấc, Giảo cổ lam, Ích mẫu, Kim tiền thảo, Hồi, Quế, Sả, Sa nhân tím, Thanh hao hoa vàng, Ý dĩ và 3 loài nhập nội: Bạch chỉ, Bạch truật, Địa hoàng với diện tích quy hoạch phát triển khoảng 4.600 ha. Ưu tiên phát triển các loài: Ba Kích, Gấc, Địa hoàng; duy trì và khai thác bền vững Quế, Hồi trên diện tích đã có.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: các tỉnh/thành phố Hà Nội, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Nam Định và Thái Bình; quy hoạch gồm 13 loài bản địa: Cúc hoa, Diệp hạ châu, Địa liên, Đinh Lăng, Gấc, Hè, Củ mài, Hương nhu trắng, Râu mèo, Ích mẫu, Thanh hao hoa vàng, Mã đề và 08 loài nhập nội: Bạc hà, Bạch chỉ, Bạch truật, Cát cánh, Địa hoàng, Đương quy, Ngưu tất, Trạch tả với diện tích quy hoạch phát triển khoảng 6.400 ha. Ưu tiên phát triển các loài: Ngưu tất, Bạc hà, Hè và Thanh hao hoa vàng.

+ Vùng Bắc Trung Bộ: các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An; quy hoạch gồm 10 loài bản địa: Diệp hạ châu, Đinh lăng, Củ mài, Hè, Hương nhu trắng, Ích mẫu, Nghệ vàng, Quế, Sả với diện tích gây trồng khoảng 3.300 ha. Ưu tiên trồng các loài cây Hè, Đinh lăng.

+ Vùng Nam Trung Bộ: các tỉnh Quảng Nam, Khánh Hòa; quy hoạch gồm 10 loài bản địa: Diệp hạ châu trắng, Dừa cạn, Đậu ván trắng, Củ mài, Nghệ

vàng, Quế, Râu mèo, Sa nhân tím, Sâm Ngọc linh với diện tích trồng khoảng 3.200 ha. Ưu tiên phát triển các loài: Búp, Dừa cạn, Sa nhân tím và Sâm Ngọc linh.

+ Vùng Tây Nguyên: các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng là vùng có khí hậu ôn hòa, đất ba-zan màu mỡ; quy hoạch gồm 10 loài bản địa: Gấc, Gừng, Hương nhu trắng, Đẳng sâm, Sả, Sa nhân tím, Nghệ vàng, Sâm Ngọc linh, Trinh nữ hoàng cung, Ý dĩ. Diện tích trồng khoảng 2.000 ha, ưu tiên trồng các loài cây thuốc bản địa có giá trị kinh tế cao như Đẳng sâm, Sâm Ngọc Linh.

+ Vùng Tây Nam Bộ và Vùng Đông Nam Bộ: các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Tiền Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh; quy hoạch gồm 10 loài bản địa: Trinh nữ hoàng cung, Gừng, Nghệ vàng, Nhàu, Hoàn ngọc, Xuyên tâm liên, Tràm, Rau đắng biển, Râu mèo, Kim tiền thảo với quy mô phát triển khoảng 3.000 ha. Ưu tiên phát triển các loài: Tràm, Xuyên tâm liên, Trinh nữ hoàng cung.

Sau 10 năm triển khai, thực hiện, đến nay, diện tích cây dược liệu, bao gồm cả nhóm cây Quế, Hồi...trên đất quy hoạch cho lâm nghiệp đã vượt rất xa so với mục tiêu phát triển 28.000 ha cây dược liệu theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg. Theo quy định của Luật Quy hoạch, hiện nay Quyết định số 1976/QĐ-TTg đã hết hiệu lực.

- Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 17/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 376/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

+ Đến năm 2025 xây dựng 08 vùng khai thác dược liệu bền vững ngoài tự nhiên; xây dựng 2-5 vùng trồng sản xuất dược liệu quy mô lớn; mỗi vùng có 1- 2 chuỗi liên kết, nghiên cứu, nuôi trồng, chế biến, sản xuất dược liệu tuân thủ nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO);

+ Đến năm 2030, phát triển 10-15 giống dược liệu di thực đáp ứng nhu cầu trong nước; phục tráng, nhập nội, phát triển 10-15 giống cây dược liệu có nguồn gốc nhập khẩu số lượng lớn.

- Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021, định hướng phát triển các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên ngoài phát triển cây gỗ, chú ý



phát triển sản xuất nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào một số loài cây dược liệu...

- Chương trình phát triển Sâm Việt Nam

Tại Quyết định số 611/QĐ-TTg, ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó giai đoạn đến năm 2030, nâng diện tích trồng Sâm chủ yếu dưới tán rừng tự nhiên lên 21.000 ha, sản lượng khai thác từ năm 2030 đạt 300 tấn/năm.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 ngày Hỗ trợ, phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, theo đó mục tiêu đến năm 2025 phát triển tối thiểu 2.300 ha.

## **6. Các chính sách, quy định về phát triển cây dược liệu**

Trong thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều chính sách ưu tiên, khuyến khích sản xuất nông nghiệp nói chung và dược liệu nói riêng, như:

- Khoản 3 Điều 8 Luật Dược năm 2016, quy định: Phát triển nguồn dược liệu, vùng nuôi trồng dược liệu, bảo tồn nguồn gen và phát triển những loài, chủng loài dược liệu quý, hiếm, đặc hữu.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; theo đó: miễn giảm tiền thuê đất; hỗ trợ tích tụ đất đai; hỗ trợ xây dựng hạ tầng bình quân 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án; hỗ trợ tín dụng, lãi suất; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường.

- Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định Chính sách đặc thù về giống, công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu. Theo đó hỗ trợ cơ sở sản xuất giống từ 02-03 tỷ đồng; hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/ha nuôi trồng cây dược liệu; hỗ trợ 100% chi phí để thực hiện tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt theo tiêu chuẩn GACP; miễn giảm tiền thuê đất.

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về khuyến nông; theo đó hỗ trợ về bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo; hỗ trợ nhân rộng mô hình.

- Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025. Theo đó cho vay vốn để trồng dược

liệu quý, tối đa 96 tỷ đồng; đối với Dự án trung tâm nhân giống, thời hạn tối đa là 92 tỷ đồng, thời hạn không quá 10 năm.

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; theo đó hỗ trợ xây dựng vùng trồng dược liệu quý tại các xã vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, theo đó hỗ trợ phát triển nhằm đạt mục tiêu đến năm 2025 phát triển tối thiểu 2.300 ha.

- Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021, định hướng phát triển các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên ngoài phát triển cây gỗ, chú ý phát triển sản xuất nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào một số loài cây dược liệu...

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**

#### **1. Kết quả đạt được**

- Đã hình thành, phát triển vùng nguyên liệu tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa như: vùng trồng cây Quế tại tỉnh Yên Bái, Lào Cai và Lạng Sơn (tổng diện tích 151.000 ha); vùng trồng cây Hồi tại tỉnh Lạng Sơn (diện tích 41.000 ha); vùng trồng cây Thảo quả tại tỉnh Lào Cai, Hà Giang (diện tích 28.000 ha); vùng trồng cây Sâm Ngọc Linh tại tỉnh Quảng Nam và Kon Tum (tổng diện tích trên 7.000 ha); các vùng trồng cây Nghệ, Sả, Gừng tại các tỉnh Tây Nguyên và các vùng nguyên liệu cho công nghiệp dược tại một số tỉnh vùng đồng bằng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược, y học cổ truyền, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.

- Đã hình thành nhóm hàng xuất khẩu dược liệu với chủng loại chủ yếu là: sản phẩm Quế, hồi, quế, thảo quả, sa nhân... Riêng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm Quế đạt khoảng 266 triệu USD vào năm 2021<sup>7</sup>, tăng hơn 2 lần so với năm 2017.

- Góp phần nâng cao thu nhập của hộ gia đình nhận đất, nhận rừng, nhất là rừng tự nhiên trong bối cảnh tạm dừng khai thác chính gỗ từ rừng tự nhiên để khoanh nuôi, phục hồi, nâng cao chất lượng rừng, thì hoạt động gây trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng đã tạo ra hướng đi mới cho người dân nhận

---

<sup>7</sup> ITC trade map 2021

đất, nhận rừng phát triển kinh tế, và làm giàu từ rừng. Đối với các địa phương vùng đồng bằng đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả tại các khu vực canh tác không thuận lợi sang trồng cây dược liệu, tăng thu nhập như tại các tỉnh như Thái Bình, Nam Định, Vĩnh Phúc, Phú Thọ...

Thực tế, giá trị của cây dược liệu là rất lớn, nhưng rất khó để định lượng và xác định được tổng giá trị của chuỗi sản xuất do chưa thống nhất về cách tính, thiếu số liệu thống kê, nhất là thị trường tiêu thụ nội địa.

**Mô hình trồng, kinh doanh cây Hồi<sup>8</sup>**, tính đến năm 2022, tổng diện tích cây Hồi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là: 41.400 ha, chiếm tỷ lệ 68% tổng diện tích trồng Hồi cả nước, diện tích rừng Hồi đang cho thu hoạch ổn định khoảng 31.000 ha, sản lượng ước đạt 12.000-15.000 tấn/năm, giá trị đạt 1.700 tỷ đồng. Tỉnh đã xây dựng mô hình sản xuất Hồi theo tiêu chuẩn hữu cơ tại các huyện Bình Gia, Văn Quan, nhờ đó giá trị đạt được khoảng 250 triệu đồng/ha/năm. Sản phẩm hồi đã được cấp chứng nhận về Chỉ dẫn địa lý. Tinh dầu Hồi Lạng Sơn được đánh giá cao về chất lượng và được xuất khẩu sang một số nước, như: Trung Quốc, Ấn Độ, Anh, Malaysia, Indonesia... và đang hướng tới các thị trường Bắc Mỹ, Pháp, Đức, Nga và các nước châu Âu khác.

Mô hình HTX Hồi hữu cơ Văn Quan, tại xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn có 16 hộ tham gia, diện tích 35 ha, sản lượng 45,5 tấn, doanh thu hơn 7,5 tỷ đồng/năm, thu nhập khoảng 250 triệu đồng/năm (giá bán hiện nay khoảng 165.000 đồng/kg quả khô)



## 2. Một số khó khăn, hạn chế

### 2.1. Về quy định pháp luật, cơ chế, chính sách

- Các quy định pháp luật hiện nay chưa đa dạng hóa các hình thức sử dụng rừng khác để thu hút, khuyến khích được nhiều nhà đầu tư để gây trồng và phát triển cây dược liệu; đặc biệt gây trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng: tích tụ đất đai, thuê môi trường rừng, liên doanh, liên kết,... để tạo nguồn thu cho chủ rừng, góp phần bảo vệ rừng.

<sup>8</sup> Thông tin từ Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn năm 2022

- Thiếu chính sách đồng bộ, phù hợp để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực bảo tồn, nuôi trồng, sơ chế, chế biến, bảo quản và sản xuất thành phần từ dược liệu.

- Mức hỗ trợ theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách đặc thù về giống, công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với nguồn vốn thực tế để đầu tư gây trồng, ví dụ như nuôi trồng một số loài cây có giá trị kinh tế cao như: cây Sâm Ngọc linh, Bảy lá một hoa... cần hàng tỷ đồng/ha; nhưng hỗ trợ của nhà nước chỉ là 15 triệu đồng/ha; do đó chưa khuyến khích được nhiều tổ chức và cá nhân tham gia.

## 2.2. Về xây dựng vùng phát triển cây dược liệu tập trung

- Mặc dù tổng diện tích phát triển cây dược liệu đã lên tới hàng trăm ngàn ha (có nhiều loài đã có diện tích hàng chục ngàn ha); tuy nhiên còn mất cân đối, có loài phát triển nóng (Quế, Thảo quả...). Chưa xác định vùng trọng điểm, ưu tiên phát triển cây dược liệu trên cơ sở tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên các địa phương. Do đó, chưa thu hút được các doanh nghiệp xúc tiến đầu tư vào trồng, chế biến, tiêu thụ dược liệu cũng như đầu tư hạ tầng.

- Chưa xây dựng được nhiều vùng dược liệu tập trung, chủ yếu qui mô vẫn nhỏ lẻ, manh mún. Triển khai “*Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc*” theo tiêu chuẩn của Tổ chức y tế thế giới (GACP – WHO) trong sản xuất dược liệu còn hạn chế về diện tích và loài cây.

- Về xây dựng các quy trình kỹ thuật gây trồng, chăm sóc cây dược liệu: còn thiếu các quy trình về gây trồng, chăm sóc, thu hái của nhiều loài cây dược liệu; đặc biệt là đạt tiêu chuẩn GACP-WHO để đảm nguồn nguyên liệu cho chế biến dược phẩm. Thiếu quy định về phát triển cây dược liệu dưới tán rừng đảm bảo phát triển bền vững hệ sinh thái rừng.

- Chưa quan tâm đúng mức đến việc nghiên cứu thử nghiệm, kỹ thuật nuôi trồng để việc bảo tồn, phát triển và sản xuất dược liệu có năng suất, chất lượng cao; việc trồng cây dược liệu trong dân còn mang tính tự phát, phụ thuộc vào thương lái.

- Chưa đầu tư, quan tâm đúng mức cho nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại, phù hợp với từng vùng sinh thái.

## 2.3. Về tổ chức sản xuất, thu hút đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu, hạ tầng vùng trồng cây dược liệu

- Vốn đầu tư để phát triển cây dược liệu nhìn chung rất cao, đặc biệt là cây dược liệu quý hiếm như: sâm Ngọc Linh, Bảy lá một hoa, Lan Kim tuyến rất lớn, ví dụ để đầu tư trồng mới 1 ha sâm Ngọc Linh (bao gồm cả hạ tầng) từ 4-5 tỷ đồng/ha/7 năm nên hạn chế các nhà đầu tư, đặc biệt là người dân địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển vùng nguyên liệu.

- Liên kết 4 nhà còn gặp nhiều khó khăn; tổ chức sản xuất theo chuỗi ít phổ biến, chưa thu hút được các doanh nghiệp liên kết với chủ rừng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) để đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Khó khăn trong việc tích tụ đất đai để tạo diện tích lớn, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển vùng nguyên liệu; đặc biệt là ở các tỉnh vùng đồng bằng và trung du.

- Phần lớn khu vực có tiềm năng phát triển nuôi trồng cây dược liệu dưới tán rừng hiện do các tổ chức quản lý rừng của nhà nước quản lý (Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Công ty Lâm nghiệp nhà nước); tuy nhiên các tổ chức này không có tiềm lực về tài chính để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cũng như cơ chế, chính sách thuận lợi cho các đơn vị sự nghiệp liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp có tiềm lực về tài chính, kinh nghiệm quản lý đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.

- Kết cấu hạ tầng giao thông ở vùng trồng cây dược liệu ở vùng sâu, xa chưa hoàn thiện, cơ sở vật chất, hạ tầng của các địa phương chưa phát triển, nhất là tại các huyện, xã biên giới, những vùng có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho nuôi trồng, phát triển cây dược liệu quý, hiếm dẫn đến khó khăn trong tiếp cận, triển khai đầu tư các dự án nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.

#### 2.4. Về chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Việc đa dạng hóa sản phẩm đã được doanh nghiệp quan tâm; tuy nhiên tiêu thụ sản phẩm thô, sơ chế là phổ biến, ít các sản phẩm tinh chế, có giá trị kinh tế cao, tạo giá trị gia tăng.

- Phân bố các cơ sở chế biến, đặc biệt là các cơ sở chế biến hiện đại, đạt chuẩn còn chưa hợp lý, các vùng có nguồn nguyên liệu thì rất ít hoặc hầu như không có nhà máy chế biến.

- Công tác quảng bá, phát triển thương hiệu sản phẩm mặc dù đã được các doanh nghiệp chú trọng phát triển, tuy nhiên mới có ít doanh nghiệp đầu tư, phát triển bài bản, quảng bá thương hiệu ở các sự kiện lớn, các chương trình xúc tiến thương mại tầm cỡ quốc tế. Công tác quảng bá, giới thiệu vùng nguyên liệu còn hạn chế ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

- Mặc dù đã xây dựng được một số chuỗi giá trị phát triển sản phẩm hàng hóa dược liệu; tuy nhiên chưa phổ biến

## 2.5. Về khoa học công nghệ, đào tạo và tổ chức

- Đội ngũ cán bộ làm công tác ứng dụng khoa học công nghệ, tiềm lực khoa học công nghệ của nhìn chung còn hạn chế, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển dược liệu vẫn nhỏ lẻ, manh mún, mang tính tự phát.

- Triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phát triển dược liệu còn hạn chế, sản xuất giống vẫn chủ yếu theo phương pháp truyền thống nên năng suất và chất lượng không cao. Nhiều cơ sở sử dụng giống không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng, có sự nhầm giống, lẫn giống, thoái hoá giống ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng dược liệu.

- Một số vùng dược liệu chủ yếu canh tác theo kỹ thuật truyền thống, không có qui trình quản lý, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến độ an toàn và chất lượng dược liệu như kiểm soát rủi ro kim loại nặng, vi sinh vật có hại, thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng phân bón không hợp lý. Ở nhiều vùng sản xuất, công tác quản lý sau thu hoạch chủ yếu dừng ở việc làm khô theo hình thức phơi nắng hoặc sử dụng lò sấy than trực tiếp nên chất lượng dược liệu không ổn định và đáp ứng tiêu chuẩn dược liệu sạch. Công nghệ tiên tiến trong sơ chế, chế biến dược liệu hầu như chưa được khai thác và triển khai trong qui mô sản xuất. Cho đến nay, chất lượng dược liệu sản xuất ra chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thuốc của các doanh nghiệp.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa đầu tư vào các nhiệm vụ mang tính tổng thể theo chuỗi giá trị và thương mại hóa sản phẩm từ dược liệu.

- Các trường đào tạo về cây trồng (nông nghiệp, lâm nghiệp) chủ yếu tập trung vào cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; chưa chú trọng đến nhóm cây dược liệu; do đó việc quản lý, phát triển cây dược liệu, đặc biệt trên đất lâm nghiệp (gây trồng, canh tác, thu hái...) còn nhiều bất cập do thiếu nguồn nhân lực am hiểu về chuyên môn.

- Phát triển cây dược liệu liên quan đến nhiều ngành: ngành nông nghiệp, Y tế, Công thương, trong khi đó việc phối hợp các ngành chưa thực sự hiệu quả, còn “phân đoạn”. Ví dụ, ngành Y tế sẽ quản lý về chế biến, định hướng nhu cầu, sản phẩm dược, tiêu chuẩn, quy chuẩn; trong khi đó ngành nông nghiệp không nắm được nhu cầu, chủng loại, tiêu chuẩn dược liệu nên thiếu cơ sở, thông tin định hướng phát triển vùng nguyên liệu.

## 3. Đánh giá tiềm năng phát triển cây dược liệu

### 3.1 Về điều kiện tự nhiên

- Các tỉnh trung du miền núi phía Bắc (các tỉnh vùng Tây Bắc, Đông Bắc Bộ), duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên hầu hết là các tỉnh có hơn 50% diện tích tự nhiên là rừng, trong đó nhiều diện tích ở vùng núi cao, khí hậu mát mẻ,

nhiều tiểu vùng khí hậu, là nơi được thiên nhiên ban tặng những sản vật dược liệu tự nhiên đa dạng về chủng loại và giá trị, thích hợp với nhiều loài cây dược liệu quý, hiếm.

- Điều kiện tự nhiên (khí hậu, thổ nhưỡng...) phù hợp với nhiều loài cây dược liệu, Việt Nam được đánh giá là 1 trong 15 quốc gia có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú;

- Là nơi phân bố của nhiều loài cây dược liệu; trong đó có nhiều loài cây dược liệu quý, hiếm như: Sâm Việt Nam là loài cây đặc hữu, quý hiếm, cây đặc sản, phân bố hẹp, có giá trị kinh tế cao

- Người dân, đặc biệt là vùng miền núi phía Bắc đa dạng đồng bào các dân tộc thiểu số như Dao, Tày, Nùng, Thái, Ba Na... đã có lịch sử lâu đời gắn bó với rừng và truyền thống khai thác, sơ chế nhiều loại dược liệu.

- Vùng đồng bằng, trung du thích hợp cho việc sản xuất dược liệu theo hướng thâm canh, sản xuất hàng hóa, tập trung nhiều loài cây dược liệu theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược.

### 3.2. Giá trị kinh tế và thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Theo Fortune Business Insights, tổng giá trị thị trường sản phẩm từ thảo dược toàn cầu năm 2021 ước tính khoảng 230 tỷ USD, dự kiến có thể đạt 430 tỷ USD vào năm 2028.

- Nhiều loại cây dược liệu của Việt Nam có nhiều dược tính ưu việt, do đó luôn được người tiêu dùng ở thị trường trong nước đánh giá cao, bên cạnh đó nhu cầu tiêu thụ trên thị trường khu vực tăng cao, đặc biệt là các quốc gia Châu á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam.

- Nhiều loài dược liệu có giá trị kinh tế cao, như Sâm Linh có giá trị kinh tế rất cao, trồng 1 ha trồng sau 7-8 năm lợi nhuận có thể đạt hàng tỷ đồng/năm, đây được xem là cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế rất cho các nhà đầu tư cũng như thu hút đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

- Nhu cầu về dược liệu, thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm có nguồn gốc thảo dược trong xã hội hiện đại tăng cao đặc biệt là loài dược liệu quý hiếm.

### 3.3. Kinh nghiệm canh tác và kiến thức, văn hóa bản địa vùng cao của đồng bào dân tộc thiểu số.

Khu vực hiện đang gây trồng, phát triển cây dược liệu mang tính đặc sản chủ yếu hiện nay đều ở các huyện vùng cao; trong đó tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống với đa thành phần dân tộc như trên đã tạo nên bức tranh văn hóa sống động, đa sắc màu góp phần làm giàu bản sắc văn hóa trên địa bàn, cụ thể:

- Vùng trồng cây Quế ở các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh gắn với tập quán canh tác, bản sắc dân tộc Tày, Nùng trong việc trồng, sơ chế, chế biến sản phẩm Quế, Hồi với chất lượng cao, nổi tiếng trên thị trường trong nước và Thế giới;

- Vùng trồng cây Thảo quả, Sa nhân tại các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Lai Châu gắn liền với tập quán canh tác, sơ chế của đồng bào Tày, Nùng, Thái, H Mông...

- Vùng trồng Sâm Ngọc Linh tại các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum với các lễ hội Sâm Ngọc Linh hằng năm gắn với lễ hội về văn hóa, du lịch đã tạo nét đặc sắc của cây Sâm ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số thu hút hàng vạn lượt du khách. Do đó có nhiều tiềm năng, cơ hội và điều kiện để nâng tầm sản phẩm cây dược liệu gắn với nét văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các tỉnh vùng đồng bằng phù hợp với phát triển cây dược liệu ngắn ngày, cung cấp với sản lượng hàng hóa lớn, hình thành vùng nguyên liệu tập trung cho sản xuất quy mô công nghiệp.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã phát triển rộng khắp cả nước thành phong trào; trong đó nhiều sản phẩm dược liệu được các cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến có mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, tiêu thụ khắp cả nước là điều kiện thuận lợi để người dân gây trồng và phát triển sản phẩm dược liệu có chất lượng cao, quảng bá đặc sản địa phương gắn với nét đặc trưng văn hóa.

## **Phần thứ hai**

### **PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**

#### **I. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT**

##### **1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Lâm nghiệp 2017;
- Luật Đa dạng sinh học năm 2008
- Luật Đất đai 2013;



- Luật Dược năm 2016;
- Luật Trồng trọt 2018;
- Nghị định số 156/2019/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định Chính sách đặc thù về giống, công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;
- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;
- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;
- Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025
- Quyết định số 376/QĐ-TTg, ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 611/QĐ-TTg, ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến 2045.

## 2. Căn cứ khoa học, thực tiễn

Việt Nam có nguồn cây dược liệu tự nhiên đa dạng và phong phú sống trong môi trường rừng, theo thống kê của Viện Dược liệu-Bộ Y tế, hiện có khoảng 5.117 loài cây thuộc 1.823 chi của 360 họ thực vật bậc cao có mạch cho công dụng dược liệu, làm thuốc; trong đó có nhiều loài dược liệu quý về công dụng chữa bệnh và kinh tế, như là: Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis*), Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus*), Bảy lá một hoa (*Paris spp*), Lan kim tuyến (*Anoectochilus roxburghii*), Đảng sâm (*Codonopsis javanica*), Cầu tích (*Cibotium barometz*), Sa nhân (*Amomum spp*), ... có phân bố tập trung ở một số khu rừng tự nhiên vùng núi cao. Ngoài ra, nhiều loài cây dược liệu trồng trên đất nông nghiệp hàng năm và lâu năm cho sinh trưởng và phát triển tốt.

- Về các loài cây dược liệu phân bố trong rừng tự nhiên:

Trong số các loài cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ Y tế có nhiều loài cây tham gia vào tổ thành cấu trúc trong hệ sinh thái rừng, cụ thể như:

+ Tham gia vào cấu trúc tầng cây cao gồm có: cây Quế (*Cinnamomum cassia* Presl), Hồi (*Illicium verum* Hook. F), Sơn tra (*Malus doumeri* (Bois) A. Chev), Trà hoa vàng (*Camellia spp*), ...

+ Cấu trúc ở lớp thảm tươi, cây bụi sống dưới tán rừng, gồm có các loài: Bảy lá một hoa (*Paris spp*), Lan kim tuyến (*Anoectochilus roxburghii* (Wall.) Lindl.), Sâm ngọc linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv), Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus*), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott), Sa nhân (*Amomum spp*), Thổ phục linh (*Smilax glabra* Roxb), ...

- Các loài cây phân bố, gây trồng trên đất nông nghiệp hàng năm và lâu năm: Cà gai leo, Đinh lăng, Bạ hà, Bò Bò, Bò công Anh, Địa liền, Ích mẫu, Nghệ, gừng, Sả,...

- Các loài cây dược liệu khác như loài cây đa mục đích, trồng trên đất lâm nghiệp như cây rừng, tham gia vào tổ thành tầng cây cao như: Quế, Hồi, Sơn

Tra...vừa trồng trong đất vườn nhà, đất trồng cây lâu năm, trồng phân tán; nhiều loài cây dược liệu trồng trên đất nông nghiệp hàng năm và lâu năm.

- Nhiều loài cây dược liệu ngắn ngày vừa làm gia vị như: Nghệ, Gừng, Sả, Đinh lăng...được trồng với quy mô lớn tại các tỉnh đồng bằng, như trồng trên cánh đồng, tận dụng diện tích vườn nhà, xem canh với cây cà phê, tiêu, cây ăn quả (ở các tỉnh Tây Nguyên) đã cho hiệu quả kinh tế cao. Nhiều vực vực ở vùng đồng bằng do thiếu nguồn nước nên trồng lúa hoặc cây ra, màu khác không hiệu quả đã chuyển sang trồng cây dược liệu (cà gai leo, đinh lăng...) đạt hiệu quả kinh tế cao hơn rất nhiều.

- Cho đến nay, đã có nhiều mô hình nghiên cứu nuôi trồng phát triển các loài cây dược liệu, như là: Thảo quả (*Amomum aromaticum* Roxb), Sa nhân (*Amomum spp*), Lan kim tuyến (*Anoectochilus roxburghii*), Bảy lá một hoa (*Paris spp*), Trà hoa vàng (*Camelia spp*), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica*), ...dưới tán rừng ở một số địa phương: Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, ... bước đầu cho kết quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội, cải thiện thu nhập của người dân địa phương.

Như vậy, việc xác định loài cây dược liệu để nuôi trồng, phát triển là có cơ sở khoa học về sinh thái học của các loài thực vật.

## II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

### 1. Quan điểm

- Việc nuôi trồng, phát triển các loài cây dược liệu, nhất là loài dược liệu quý hiếm phải phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, phân bố tự nhiên của loài cây dược liệu; trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng, từng địa phương.

- Phát triển cây dược liệu trên cơ sở xây dựng vùng trồng tập trung, áp dụng đồng bộ tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, gắn với chuỗi liên kết trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số và người dân sống ở khu vực có rừng; góp phần bảo tồn tri thức bản địa, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng nông thôn mới.

- Việc nuôi trồng, phát triển dược liệu dưới tán rừng phải đảm bảo rừng được quản lý bền vững, không làm suy thoái tài nguyên rừng, suy giảm chức năng phòng hộ và đa dạng sinh học của khu rừng; tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng và các quy định pháp luật liên quan khác.

- Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế để triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án. Nguồn từ ngân sách Nhà

nước đầu tư theo quy định của pháp luật và lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình đầu tư công và các Chương trình, đề án khác theo từng giai đoạn.

## **2. Mục tiêu của Đề án.**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Phát triển cây dược liệu thành ngành hàng sản xuất hiệu quả, bền vững, cung cấp nguyên liệu cho phát triển ngành y-dược gắn với bảo vệ và phát triển rừng; góp phần tăng thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.**

- Duy trì diện tích cây dược liệu hiện có khoảng 350.000 ha, thực hiện các biện pháp tăng năng suất và chất lượng; chuyển đổi một số diện tích cây dược liệu dưới tán rừng có hiệu quả kinh tế thấp sang gây trồng, phát triển các loài cây dược liệu quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao, theo hướng sản xuất bền vững.

- Phát triển, mở rộng diện tích gây trồng, phát triển cây dược liệu, ưu tiên những loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao khoảng 65.000 ha tại các tỉnh, vùng có điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng, điều kiện canh tác phù hợp với cây dược liệu nhằm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược.

- Hình thành từ 02 đến 05 vùng nguyên liệu trọng điểm về cây dược liệu, ưu tiên tại các vùng: Trung du miền núi phía Bắc (bao gồm vùng Đông bắc bộ và Tây Bắc bộ), Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm thu hút các dự án phát triển công nghiệp dược để khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng

- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân tham gia phát triển cây dược liệu thông qua các chuỗi giá trị dược liệu gắn với bảo vệ và phát triển rừng, tăng khoảng 1,5 lần so với năm 2020.

## **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi Đề án**

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn quốc, giai đoạn đến năm 2030 tập trung vào các tỉnh có tiềm năng, thế mạnh về điều kiện tự nhiên phù hợp cho việc nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, đặc biệt phát triển cây dược liệu dưới tán rừng thuộc các vùng: Đông bắc bộ, Tây bắc Bộ, Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

### **2. Đối tượng**

2.1. Loài cây: ưu tiên các loài cây dược liệu gây trồng, phát triển thuộc danh mục 100 loài cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát

triển giai đoạn 2020-2030 theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2. Quỹ đất dự kiến phát triển cây dược liệu phục vụ mục tiêu sản xuất, kinh doanh tại Đề án này bao gồm: đất rừng (bao gồm cả phát triển dưới tán rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, hàng năm và trồng xen canh với loài cây khác theo quy định của pháp luật lâm nghiệp, đất đai và đa dạng sinh học.

**3. Thời gian thực hiện:** từ năm 2023 đến hết năm 2030.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

Trên cơ sở định hướng của các địa phương về quy mô gây trồng, phát triển cây dược liệu đến năm 2030, định hướng phát triển cây dược liệu các vùng sinh thái như sau:

##### **1. Vùng Tây Bắc**

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 50.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới, các loài cây ưu tiên thuộc danh mục 100 loài cây dược liệu tập trung phát triển bao gồm: Sâm Lai châu (*Panax vietnamensis* var. *Fuscidiscus*); Bảy lá một hoa (*Paris spp*); Tam thất (*Panax notoginseng*); Đảng sâm (*Codonopsis javanica*); Sơn tra (*Malus doumeri*); Quế (*Cinnamomum cassia*); Lá Khôi (*Ardisia gigantifolia*); Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*), Mạch môn (*Ophiopogon japonicus*); Bách bộ (*Stemona tuherosa*); Actiso (*Cynara scolymus*); Bạch truật (*Atractylodes macrocephala*); Bạch cập (*Bletilla striata*); Độc hoạt (*Angelica pubescens Maxim*); Đỗ trọng (*Eucommia ulmoides Oliv*); Đương quy (*Angelica sinensis*); Cát cánh (*Platycodon grandiflorum*); Mộc hương (*aussurea lappa*); Ô đầu (*conitum carmichaeli*); Xuyên khung (*Ligusticum wallichii Franch*).

Không mở rộng diện tích cây Thảo quả và Sa nhân đang trồng dưới tán rừng tự nhiên; tập trung canh tác bền vững, nâng cao sản lượng và chất lượng; không làm suy thoái hệ sinh thái rừng.

##### **2. Vùng Đông Bắc**

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 300.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; các loài cây ưu tiên bao gồm: Quế (*Cinnamomum cassia*); Hồi (*Illicium verum*); Ba Kích (*Morinda officinalis*); Trà Hoa Vàng (*Camellia spp*); Lá Khôi (*Ardisia gigantifolia*); Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*), Mạch môn (*Ophiopogon japonicus*); Bách bộ (*Stemona tuherosa*); Bán chi liên (*Scutellaria barbata*); Cát sâm (*Callerya speciosa*); Cát cánh (*Platycodon grandiflorum*); Cà gai leo (*Solanum hainanensis*); Gấc

(*Momordica cochinchinensis*); Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*); Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis*); Thổ phục linh (*Smilax glabra Roxb*); Ý dĩ (*Coix lachryma-jobi L*); Địa hoàng (*Rehmannia glutinosa*); Bạch chỉ (*Angelica dahurica*); Thảo quyết minh (*Senna tora*).

Không mở rộng diện tích cây Thảo quả và Sa nhân đang trồng dưới tán rừng tự nhiên; tập trung canh tác bền vững, nâng cao sản lượng và chất lượng; không làm suy thoái hệ sinh thái rừng. Chuyển một số diện tích cây Thảo quả và Sa nhân hiện đang trồng trong rừng tự nhiên có hiệu quả thấp sang trồng cây dược liệu khác có giá trị kinh tế cao hơn.

### 3. Vùng Đồng bằng Sông Hồng

Tổng diện tích phát triển cây dược liệu khoảng: 4.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; các loài ưu tiên bao gồm: Bạc hà (*Mentha arvensis L*); Bồ bồ (*Adenosma indianum (Lour.) Merr*); Bồ công anh (*Lactuca indica L*); Cà gai leo (*Solanum hainanensis*), Cúc hoa vàng (*Chrysanthemum indicum L*); Đinh lăng (*Polyscias fruticose*); Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*); Kim ngân (*onicera japonica Thunb*); Nguru tất (*Achyranthes bidentata Blume*); Gừng (*Zingiber officinale*); Nghệ (*Dioscorea collettii Hook*); Xạ can (*Belamcanda chinensis*); Xuyên tâm liên (*Andrographis paniculata*); Ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium*); Hòe (*Styphnolobium japonicum*).

### 4. Vùng Bắc Trung Bộ

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 15.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; ưu tiên các loài: Quế (*Cinnamomum cassia*); Lá Khôi (*Ardisia gigantifolia Stapf*); Lan kim tuyến (*Anoectochilus roxburghii*); Đẳng sâm (*Codonopsis javanica*); Sa nhân tím (*Amomum spp*), Sâm cau (*Curculigo orchioides*); Mạch môn (*Ophiopogon japonicus*); Bách bộ (*Stemona tuherosa Lour*); Diệp Hạ Châu (*Phyllanthus amarus Schumach*); Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium*); Hòe (*Styphnolobium japonicum*); Hy thiêm (*igesbeckia orientalis L*); Bồ bồ (*Adenosma indianum*); Nhân trần (*Adenosma caeruleum*); Cà Gai leo (*Solanum hainanensis*); Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*); Hương nhu trắng (*Herba Ocimi Gratissimi*); Đương quy (*Angelica sinensis*); Nguru tất (*Achyranthes bidentata Blume*), Sâm Bó chính (*Hibiscus sagittifolius*); Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis*); Thổ phục linh (*Smilax glabra Roxb*); Xạ can (*Belamcanda chinensis*); Ý dĩ (*Coix lachryma-jobi L*); Sả (*Cymhopogon nardus*); Râu mèo (*Orthosiphon stamineus*).



## 5. Vùng Nam Trung Bộ

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 22.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; ưu tiên các loài: Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv); Quế (*Cinnamomum cassia*); Tam thất (*Panax notoginseng*); Đảng sâm (*Codonopsis javanica*); Sâm bố chính (*Hibiscus sagittifolius*); Sâm cau (*Curculigo orchoides*), Mạch môn (*Ophiopogon japonicus*); Sa nhân tím (*Amomum spp*); Lá Khôi (*Ardisia gigantifolia* Stapf); Bách bộ (*Stemona tuherosa* Lour); Diệp Hạ Châu (*Phyllanthus amarus* Schumach), Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium*); Hòe (*Styphnolobium japonicum*), Hy thiêm (*Igesbeckia orientalis* L); Bồ bồ (*Adenosma indianum*); Nhân trần (*Adenosma caeruleum*); Cà Gai leo (*Solanum hainanensis*); Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*); Mạch môn (*Ophiopogon japonicas*); Hương nhu trắng (*Solanum hainanensis*); Đương quy (*Angelica sinensis*); Ngưu tất (*Achyranthes bidentata* Blume); Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis*); Thỏ phục linh (*Smilax glabra* Roxb); Xạ can (*Belamcanda chinensis*); Ý dĩ (*Coix lachrymajobi* L); Sả (*Cymbopogon nardus*); Râu mèo (*Orthosiphon stamineus*).

## 6. Vùng Tây Nguyên

Tổng diện tích dự kiến phát triển cây dược liệu: 20.000 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; ưu tiên các loài: Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv); Đảng sâm Việt Nam (*Codonopsis javanica*); Lan kim tuyến (*Anoectochilus roxburghii*); Lá Khôi (*Ardisia gigantifolia* Stapf); Xuyên khung (*Ligusticum wallichii* Franch); Ngũ vị tử (*Schisandra spp*); Actiso (*Cynara scolymus* L); gừng (*Zingiber officinale*), Nghệ (*Dioscorea collettii* Hook); Trinh Nữ Hoàng Cung (*Crinum latifolium*); Đương quy (*Angelica sinensis*); Xuyên khung (*Ligusticum wallichii* Franch).

## 7. Vùng Đông Nam Bộ

Tổng diện tích cây dược liệu dự kiến phát triển là: 1.500 ha; bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới chủ yếu tận dụng quỹ đất dưới tán rừng trồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo hướng thâm canh, tăng năng suất các loài ưu tiên: Trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium*); Bạc hà (*Mentha arvensis* L); Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis*); Sâm cau (*Curculigo orchoides*); Hương nhu trắng (*Solanum hainanensis*); Xuyên tâm liên (*Andrographis paniculata*); Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*).

## 8. Vùng Đồng bằng Sông cửu Long

Tận dụng quỹ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo hướng thâm canh, tăng năng suất. Diện tích cây dược liệu dự kiến phát triển là: 2.500 ha, bao gồm diện tích hiện có và mở rộng diện tích trồng mới; các loài cây ưu tiên: Trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium*); Bạc hà (*Mentha arvensis L*); Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis*); Sâm cau (*Curculigo orchoides*); Hương nhu trắng (*Solanum hainanensis*); Xuyên tâm liên (*Andrographis paniculata*); Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

## V. NHIỆM VỤ

### 1. Xác định quỹ đất, quy mô vùng gây trồng, phát triển cây dược liệu

Xác định cụ thể quỹ đất phát triển vùng nguyên liệu, bao gồm:

- Diện tích gây trồng, phát triển trên đất rừng, bao gồm: diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng theo hình thức sản xuất nông, lâm kết hợp; diện tích cây dược liệu trên đất rừng (như cây gỗ).

- Diện tích trồng cây dược liệu trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hàng năm; trồng xen canh với các cây công nghiệp.

Trên cơ sở đó xác định quy mô vùng trồng cây dược liệu phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế và thực tế của từng địa phương, từng vùng đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 và pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và pháp luật liên quan.

### 2. Hoàn thiện quy định, chính sách, hướng dẫn

Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện chính sách, quy định nhằm tạo điều kiện cho phát triển vùng nguyên liệu dược liệu, bao gồm: quy định, hướng dẫn về gây trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng; quy định về cho thuê thuê môi trường rừng để trồng dược liệu; quy định về quản lý nguồn giống; truy suất nguồn gốc; chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu...

### 3. Nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất giống cây dược liệu

- Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với sâu, bệnh hại phù hợp với các vùng sinh thái; hoàn thiện các quy trình sản xuất giống; chuyển giao giống cây dược liệu đã được nghiên cứu vào sản xuất; tăng cường công nhận, công bố và lưu hành giống cây dược liệu.

- Hình thành các cơ sở sản xuất giống hiện đại tại các địa phương, vùng trọng điểm trên cơ sở xác định cụ thể về quy mô diện tích vùng trồng, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa với khả năng cung ứng đủ cây giống cho phát triển vùng nguyên liệu tập trung.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát nguồn gốc giống cây dược liệu đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ theo quy định hiện hành.

#### **4. Phát triển vùng nguyên liệu cây dược liệu**

- Phát triển vùng nguyên liệu dược liệu tại các địa phương phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của loài cây dược liệu về quy mô diện tích và địa điểm cụ thể được xác định trên cơ sở đánh giá về tiềm năng, năng lực đầu tư, quỹ đất, quỹ rừng (đối với diện tích trồng dưới tán rừng), đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường và nhu cầu thị trường.

- Xây dựng hoàn thiện quy trình canh tác các loài cây dược liệu; ưu tiên các loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, theo tiêu chuẩn của GACP-WHO phục vụ phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp dược

- Lập hồ sơ quản lý, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc đối với diện tích trồng cây dược liệu đủ điều kiện để quản lý, truy suất nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng.

- Di thực một số loài cây dược liệu quý, hiếm có giá trị kinh tế cao tại một số địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và pháp luật liên quan gây trồng thí điểm, làm cơ sở phát triển vùng nguyên liệu.

#### **5. Tổ chức sản xuất, phát triển cơ sở sơ chế, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm**

- Xây dựng, hỗ trợ hộ gia đình, hợp tác xã phát triển các chuỗi giá trị dược liệu, từ: trồng, canh tác, thu hái, chế biến và tiêu thụ dược liệu tạo giá trị gia tăng cho dược liệu góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là ở vùng sâu, xa, vùng khó khăn.

- Đầu tư, phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến dược liệu gắn với vùng nguyên liệu tập trung theo hướng hiện đại; ưu tiên đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm bao gồm: thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, hóa mỹ phẩm, sản phẩm thực dưỡng..,

- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm dược liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Phát triển thị trường gắn với xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, nhất là các loài cây có diện tích, sản lượng lớn.

## **VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Rà soát quỹ đất, xác định diện tích phát triển vùng trồng**

Tổ chức rà soát, đánh giá, xác định cụ thể về diện tích các khu vực có điều kiện phù hợp để gây trồng, phát triển cây dược liệu để phát triển vùng nguyên liệu và thu hút các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Diện tích gây trồng, phát triển trên đất rừng, bao gồm: diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng và trồng trên đất rừng (như cây gỗ) của chủ rừng là tổ chức (ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp...); chủ rừng và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng. Đối với diện tích rừng hiện do ủy ban nhân dân xã quản lý cần có phương án giao cho tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng để có chủ quản lý thực sự, nhằm đầu tư phát triển cây dược liệu tập trung, cũng như thu hút nhà đầu tư.

- Diện tích trồng cây dược liệu trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hàng năm; trồng xen canh với các cây công nghiệp; trong đó xác định diện tích canh tác cây nông nghiệp (lúa, màu) kém hiệu quả để phát triển cây dược liệu có giá trị kinh tế cao hơn.

### **2. Về cơ chế, chính sách**

- Tổ chức triển khai các cơ chế chính sách về phát triển cây dược liệu hiện có; lồng ghép thực hiện với các cơ chế, chính sách đã ban hành, bao gồm: Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025; Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030; Chương trình khoa học công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia...

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành cơ chế, chính sách mới nhằm tạo điều kiện cho phát triển cây dược liệu trở thành ngành hàng có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu, đề xuất quy định cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu; rà soát, xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn về trồng cây dược liệu dưới tán rừng đảm bảo phát triển bền vững

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi thu để kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực phát triển cây dược liệu gắn với phát triển

kinh tế xã hội vùng miền núi; đặc biệt là phát triển loài cây quý, hiếm có giá trị kinh tế cao từ công đoạn sản xuất giống, gây trồng, thu hái, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với phát triển du lịch tại các vùng trồng, chế biến dược liệu.

## **2. Về khoa học, công nghệ**

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ cho việc phát triển, sản xuất giống đáp ứng nhu cầu sản xuất ở quy mô hàng hóa, trong đó chú trọng công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cho người dân.

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nhân giống các loài cây quý, hiếm

- Đầu tư các cơ sở sản xuất giống quy mô hiện đại, đảm bảo chất lượng và khả năng cung ứng giống cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu, bệnh hại đảm bảo đủ số lượng cung ứng cho vùng nguyên liệu tập trung.

- Thực hiện nuôi trồng và thu hái dược liệu theo nguyên tắc GACP-WHO và thực hành sản xuất, chế biến dược liệu theo tiêu chuẩn GMP-WHO nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn, có khả năng cạnh tranh.

- Xây dựng tài liệu, mô hình hướng dẫn kỹ thuật về quy trình trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hái, sơ chế các loài cây dược liệu chủ lực đảm bảo chất lượng; biện pháp kỹ thuật phát triển bền vững trong môi trường rừng.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn, phổ biến/chuyển giao kết quả khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm về trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến dược liệu đảm bảo chất lượng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành từ khâu nuôi trồng đến khai thác, chế biến, truy suất nguồn gốc xuất xứ; sàn giao dịch thương mại điện tử về dược liệu và các sản phẩm chế biến sâu.

## **3. Về tổ chức sản xuất**

- Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với người dân đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, khai thác, chế biến sản phẩm gắn với sản xuất theo chuỗi, tạo giá trị gia tăng của sản phẩm, phát triển kinh tế cho người dân.

- Phát triển các hình thức hợp tác; hợp tác xã trong trồng, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm dược liệu.

- Phát triển các mô hình doanh nghiệp thu hút người dân sống gần rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hái dược liệu để chia sẻ lợi ích; mô hình liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp-người dân trong gây trồng, tiêu thụ dược liệu gắn với sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

- Huy động nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước, ứng dụng chuyển giao các kết quả nghiên cứu từ các công trình, đề tài nghiên cứu về nhân giống, gây trồng và canh tác dược liệu, nhất là loài quý hiếm, loài có diện tích gây trồng lớn.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng kết nối giữa các vùng phát triển cây dược liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ hàng hóa, chế biến sản phẩm, phát triển du lịch giới thiệu nét đặc trưng của văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **4. Về chế biến, quảng bá, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.**

- Thu hút, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương.

- Đa dạng hóa sản phẩm, tập trung chế biến các sản phẩm tinh chế, phù hợp yêu cầu sử dụng trong xã hội hiện đại.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu dược liệu Việt Nam tại thị trường trong và ngoài nước là nhiệm vụ xúc tiến thương mại dài hạn.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước như hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm dược liệu gắn với du lịch giới thiệu nét đặc trưng, đặc sắc về bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam.

#### **5. Tuyên truyền, nâng cao năng lực, đào tạo**

- Ủy ban nhân dân các địa phương tham gia Đề án chỉ đạo tổ chức tuyên truyền để tổ chức, người dân và đối tượng liên quan hiểu rõ về nội dung Đề án;

- Tuyên truyền để mọi người hiểu đúng giá trị của tài nguyên dược liệu Việt Nam, nhất loài quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao.

- Tuyên truyền, bảo vệ thương hiệu dược liệu Việt Nam, nhất là các loài có sản lượng lớn hoặc có giá trị kinh tế cao như: sâm Việt Nam, Quế, Hồi trên thị trường trong nước và quốc tế;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức nhân dân về vị trí vai trò của phát triển cây dược liệu đến các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là gắn với bảo vệ, phát triển rừng, bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc trong vùng.



## VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

### 1. Căn cứ tính toán

- Đơn giá đầu tư tính bình quân cho 1 ha cây dược liệu: 120 triệu đồng/ha (đối với cây Sâm Việt Nam không thuộc phạm vi Đề án này);

- Đơn giá nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP, cụ thể:

+ Hỗ trợ cơ sở sản xuất giống, tối đa 2.000 triệu đồng/cơ sở

+ Hỗ trợ trồng cây dược liệu: 15 triệu đồng/ha

- Chỉ tính toán riêng cho diện tích trồng dược liệu mới và chuyển đổi một số diện tích cây dược liệu kém hiệu quả như thảo quả, sa nhân dưới tán rừng tự nhiên để trồng một số loài cây dược liệu khác có giá trị kinh tế cao hơn. Tổng diện tích mở rộng đến năm 2030 tăng khoảng là 65.000 ha (không áp dụng cho diện tích cây dược liệu hiện có).

### 2. Dự kiến nhu cầu và cơ cấu nguồn vốn

2.1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án là: 10.995 tỷ đồng

2.2. Cơ cấu nguồn vốn

- Vốn ngân sách: 1.795 tỷ đồng (chiếm 16,3 %), trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 400 tỷ đồng

+ Vốn đầu tư: 1.395 tỷ đồng

- Vốn xã hội hóa: 9.160 tỷ đồng (chiếm 83,6%)

### 3. Nguồn vốn

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao hàng năm; kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, đề án khác; vốn từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

### 1. Về kinh tế

Việc phát triển cây dược liệu (cây lâu năm và hàng năm) sẽ đem lại nguồn thu cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ dược liệu, bao gồm:

- Nguồn thu từ sản phẩm quế, hồi xuất khẩu: dự kiến sẽ đóng góp khoảng 500-600 triệu USD/năm (khoảng 12.000 tỷ đồng) vào năm 2030;

- Nguồn thu từ các loài dược liệu khác: khoảng 180.000 ha, chu kỳ sản xuất 2 năm, dự kiến lượng khai thác hàng năm khoảng 90.000 ha, sẽ đóng góp khoảng 18.000 tỷ đồng/năm

Góp phần cung cấp nguyên liệu cho ngành y- dược; nhu cầu sử dụng của người dân nói riêng và phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi nói chung.

## **2. Về xã hội**

Đề án dược thực hiện sẽ tạo thêm nhiều nhu cầu lao động, dự kiến có khoảng 700.000-8000.000 hộ gia đình (bình quân 0,5 ha/hộ) tham gia vào phát triển cây dược liệu, đặc biệt là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số miền núi vùng đặc biệt khó khăn. Góp phần tăng thu nhập, phát triển kinh tế của người dân; ổn định dân cư vùng sâu, vùng xa; giảm áp lực khai thác tài nguyên rừng không bền vững; góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

## **3. Về môi trường**

Đề án dược thực hiện trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc: Không làm suy giảm chức năng của khu rừng; thực hiện luân kỳ canh tác để tái phục hồi trạng thái tự nhiên của rừng và tuân thủ các biện pháp sản xuất theo quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc khai thác dược liệu ngoài tự nhiên sẽ đảm bảo cho khu rừng phát triển bền vững, phát huy các chức năng của rừng trong việc bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, đối với diện tích gây trồng, phát triển cây dược liệu trên đất canh tác nông nghiệp sử dụng kém hiệu quả sẽ góp phần giảm phát thải khí nhà kính, canh tác không bền vững.

# **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Trách nhiệm các Bộ/ngành**

### **1.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ/ngành hướng dẫn các địa phương triển khai, thực hiện Đề án có hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách về lĩnh vực chọn, tạo giống cây dược liệu, phát triển vùng nguyên liệu, liên kết theo chuỗi giá trị nhằm xã hội hóa công tác phát triển vùng nguyên liệu cây dược liệu.

- Hướng dẫn việc công bố, lưu hành giống cây dược liệu đảm bảo nguồn gốc xuất xứ; cấp mã số vùng trồng đối với diện tích cây dược liệu đủ điều kiện.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương rà soát, xây dựng, bổ sung hướng dẫn quy định về sử dụng bền vững môi trường rừng

để gây trồng, phát triển cây dược liệu. Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến trồng trọt, chăm sóc, thu hái, phòng trừ sâu, bệnh hại;

- Phối hợp với các Bộ/ngành và địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân xây dựng chuỗi liên kết giá trị sản phẩm dược liệu; thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã trồng dược liệu.

- Hướng dẫn các địa phương phát triển các sản phẩm OCOP thảo dược, gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc, tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện Đề án; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo giai đoạn; tổng hợp, đề xuất, xây dựng chính sách.

## 1.2. Bộ Y Tế

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các địa phương tổ chức, triển khai, thực hiện; giám sát, đánh giá tổng kết Đề án.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương lồng ghép các dự án phát triển dược liệu thuộc nội dung số 2, tiểu dự án 2: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thuộc dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, định hướng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dược liệu; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tham gia Đề án triển khai; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện các quy trình canh tác cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thu hút, đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến, các nhà máy chế biến hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng chính sách phát triển cây dược liệu; hoàn thiện hướng dẫn về trồng, chăm sóc, khai thác dược liệu bền vững trong môi trường rừng; các hướng dẫn kỹ thuật về trồng trọt, chăm sóc, thu hái

- Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để phát huy tiềm năng lợi thế của các địa phương trong phát triển công nghiệp dược liệu gắn với vùng nguyên liệu.

### 1.3. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo, hoàn thiện chỉ dẫn địa lý cho các loài cây dược liệu quý, hiếm gắn với xuất xứ.

- Bố trí nguồn kinh phí để triển khai các chương trình, dự án khoa học công nghệ liên quan đến việc ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý nguồn giống, vùng trồng và chất lượng các sản phẩm dược liệu.

### 1.4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hằng năm thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, điều chỉnh các chính sách triển khai thực hiện Đề án phù hợp với quy định của pháp luật.

### 1.5. Bộ Tài chính:

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các bộ, ngành liên quan tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách trung ương và lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch, dự án khác trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Đề án trung hạn và hàng năm.

### 1.6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương rà soát quy hoạch sử dụng đất, giao, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giao rừng, cho thuê rừng để đảm bảo quỹ đất cho gây trồng, phát triển dược liệu theo đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách phát triển cây dược liệu hoàn thiện hướng dẫn về trồng, chăm sóc, khai thác cây dược liệu trong môi trường rừng phù hợp với quy định về bảo tồn, đa dạng sinh học.

### 1.7. Ủy ban dân tộc

- Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lồng ghép các nội dung có liên quan tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030 nhằm thực hiện hiệu quả Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung/hoạt động đầu tư/hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp đảm bảo thực hiện hiệu quả Đề án.

1.8. Các bộ, ngành khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ liên quan và các địa phương xây dựng cơ chế chính sách, quản lý và hướng dẫn thực hiện Đề án

## **2. Các tỉnh tham gia Đề án**

Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; trong đó tập trung một số việc sau đây:

- Rà soát, đánh giá, xác định cụ thể quy mô vùng trồng cây dược liệu phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, đất đai và điều kiện canh tác.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư, phát triển cây dược liệu theo chuỗi giá trị, chế biến sâu, gắn với thị trường tiêu thụ. Cân đối, huy động các nguồn vốn để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, hướng dẫn thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng các mối liên kết trong gây trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu tạo giá trị gia tăng, đảm bảo phát triển bền vững.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư các cơ sở chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu; xây dựng thương hiệu; xúc tiến, quảng bá sản phẩm, gắn với nét đặc trưng về văn hóa, tạo sản phẩm đặc trưng có giá trị gia tăng cao.

- Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và kịp thời giải ngân nguồn kinh phí được Trung ương hỗ trợ để triển khai, thực hiện Đề án; đề xuất nguồn kinh phí thực hiện Đề án trong giai đoạn 2026-2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp. Trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân triển khai, thực hiện các dự án phát triển cây dược liệu trên địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ công tác sản xuất, buôn bán giống cây dược liệu trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án; kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ/ngành liên quan những khó khăn, vướng mắc thuộc phạm vi quản lý của các Bộ/ngành trong quá trình triển khai, thực hiện các dự án để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ những nội dung quá thẩm quyền. Báo cáo định kỳ hàng năm; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án theo giai đoạn báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Phần thứ 3**

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Đề án “*Phát triển cây dược liệu đến năm 2030*” được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực trạng, điều kiện về tự nhiên, tiềm năng, lợi thế và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, được thực hiện trên địa bàn của 48 tỉnh, thành phố, thuộc 08 vùng sinh thái, phù hợp với Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định liên quan. Đề án được thực hiện sẽ góp phần bảo tồn loài cây dược liệu quý hiếm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược, dược liệu; góp phần phát triển kinh tế các tỉnh vùng miền núi; cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt là cho người dân vùng miền núi.

Đề án có mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng; giải pháp thực hiện khả thi; việc triển khai thực hiện Đề án sẽ đạt hiệu quả về kinh tế-xã hội và môi trường

### **II. KIẾN NGHỊ**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ:

1. Xem xét ban hành Quyết định phê duyệt Đề án “*Phát triển cây dược liệu đến năm 2030*”.

2. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện Đề án; giao các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp và tổ chức thực hiện Đề án.

3. Chỉ đạo bố trí, tạo điều kiện về nguồn lực tài chính cho thực hiện Đề án./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**PHỤ LỤC**  
**Biểu 01: HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH CÂY DƯỢC LIỆU**

<b>TT</b>	<b>Vùng sinh thái<sup>9</sup></b>	<b>Tổng diện tích (ha)</b>	<b>Số loài chính</b>	<b>Đất trồng</b>
	<b>Tổng</b>	<b>357.178</b>		
1	<b>Tây Bắc Bộ</b> (Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu và Điện Biên)	46.181	57	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
2	<b>Đông Bắc Bộ</b> (Cao Bằng, Bắc Kan, Lạng Sơn, Bắc Giang, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Nguyên)	270.565	59	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
3	<b>Đồng bằng Sông Hồng</b> (Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Phúc)	1.214	10	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
4	<b>Bắc Trung bộ</b> (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế)	7.400	52	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
5	<b>Nam Trung Bộ</b> (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận)	15.498	38	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
6	<b>Tây Nguyên</b> (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng)	13.330	24	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm ; trồng dưới tán cây cà phê, cây ăn quả

<sup>9</sup> Các tỉnh có báo cáo, thống kê số liệu



7	<b>Đông Nam Bộ</b> (Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, An Giang)	1.045	18	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
8	<b>Đồng bằng S cửu Long</b> (Hậu Giang, Trà Vinh, Cà Mau, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Tiền Giang)	1.945	11	Chủ yếu trên đất nông nghiệp

**Biểu 02: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU ĐẾN NĂM 2030**

TT	Vùng sinh thái	Tổng diện tích (ha)	Các loài ưu tiên	Đất trồng
	<b>Tổng</b>	<b>415.000<sup>10</sup></b>		
<b>1</b>	<b>Tây Bắc Bộ</b>	<b>50.000</b>	Sâm Lai châu ( <i>Panax vietnamensis</i> var. <i>Fuscidiscus</i> ); Bảy lá một hoa ( <i>Paris</i> spp); Tam thất ( <i>Panax notoginseng</i> ); Đảng sâm ( <i>Codonopsis javanica</i> ); Sơn tra ( <i>Malus doumeri</i> ); Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> ); Lá Khôi ( <i>Ardisia gigantifolia</i> ); Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> ), Mạch môn ( <i>Ophiopogon japonicus</i> ); Bách bộ ( <i>Stemona tuherosa</i> ); Actiso ( <i>Cynara scolymus</i> ); Bạch truật ( <i>Atractylodes macrocephala</i> ); Bạch cập ( <i>Bletilla striata</i> ); Độc hoạt ( <i>Angelica pubescens</i> Maxim); Đỗ trọng ( <i>Eucommia ulmoides</i> Oliv); Đương quy ( <i>Angelica sinensis</i> ); Cát cánh ( <i>Platycodon grandiflorum</i> ); Mộc hương ( <i>aussurea lappa</i> ); Ô đầu ( <i>conitum carmichaeli</i> ); Xuyên khung ( <i>Ligusticum wallichii</i> Franch).	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
<b>2</b>	<b>Đông Bắc Bộ</b>	<b>300.000</b>	Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> ); Hồi ( <i>Illicium verum</i> ); Ba Kích ( <i>Morinda officinalis</i> ); Trà Hoa Vàng ( <i>Camellia</i> spp); Lá Khôi ( <i>Ardisia gigantifolia</i> ); Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> ), Mạch môn ( <i>Ophiopogon japonicus</i> ); Bách bộ ( <i>Stemona tuherosa</i> ); Bán chi liên ( <i>Scutellaria barbata</i> ); Cát sâm ( <i>Callerya speciosa</i> ); Cát cánh	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm

<sup>10</sup> Bao gồm cả diện tích hiện có và phát triển mới

			( <i>Platycodon grandiflorum</i> ); Cà gai leo ( <i>Solanum hainanensis</i> ); Gác ( <i>Momordica cochinchinensis</i> ); Hà thủ ô đỏ ( <i>Fallopia multiflora</i> ); Thiên môn đông ( <i>Asparagus cochinchinensis</i> ); Thổ phục linh ( <i>Smilax glabra</i> Roxb); Ý dĩ ( <i>Coix lachryma-jobi</i> L); Địa hoàng ( <i>Rehmannia glutinosa</i> ); Bạch chỉ ( <i>Angelica dahurica</i> ); Thảo quyết minh ( <i>Senna tora</i> ).	
3	<b>Đồng bằng Sông Hồng</b>	<b>4.000</b>	Bạc hà ( <i>Mentha arvensis</i> L); Bồ bô ( <i>Adenosma indianum</i> (Lour.) Merr); Bồ công anh ( <i>Lactuca indica</i> L); Cà gai leo ( <i>Solanum hainanensis</i> ), Cúc hoa vàng ( <i>Chrysanthemum indicum</i> L); Đinh lăng ( <i>Polyscias fruticose</i> ); Hà thủ ô đỏ ( <i>Fallopia multiflora</i> ); Kim ngân ( <i>onicera japonica</i> Thunb); Ngu tát ( <i>Achyranthes bidentata</i> Blume); Gừng ( <i>Zingiber officinale</i> ); Nghệ ( <i>Dioscorea collettii</i> Hook); Xạ can ( <i>Belamcanda chinensis</i> ); Xuyên tâm liên ( <i>Andrographis paniculata</i> ); Ké đầu ngựa ( <i>Xanthium strumarium</i> ); Hòe ( <i>Styphnolobium japonicum</i> ).	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm
4	<b>Bắc Trung bộ</b>	<b>15.000</b>	Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> ); Lá Khôi ( <i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf); Lan kim tuyến ( <i>Anoectochilus roxburghii</i> ); Đẳng sâm ( <i>Codonopsis javanica</i> ); Sa nhân tím ( <i>Amomum spp</i> ), Sâm cau ( <i>Curculigo orchioides</i> ); Mạch môn ( <i>Ophiopogon japonicus</i> ); Bách bộ ( <i>Stemona tuherosa</i> Lour); Diệp Hạ Châu ( <i>Phyllanthus amarus</i> Schumach); Kim tiền thảo ( <i>Desmodium styracifolium</i> ); Hòe ( <i>Styphnolobium japonicum</i> ); Hy thiêm ( <i>igesbeckia orientalis</i> L); Bồ bô	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm

			( <i>Adenosma indianum</i> ); Nhân trần ( <i>Adenosma caeruleum</i> ); Cà Gai leo ( <i>Solanum hainanensis</i> ); Hà thủ ô đỏ ( <i>Fallopia multiflora</i> ); Hương nhu trắng ( <i>Herba Ocimi Gratiissimi</i> ); Đương quy ( <i>Angelica sinensis</i> ); Ngưu tất ( <i>Achyranthes bidentata</i> Blume), Sâm Bồ chính ( <i>Hibiscus sagittifolius</i> ); Thiên môn đông ( <i>Asparagus cochinchinensis</i> ); Thổ phục linh ( <i>Smilax glabra</i> Roxb); Xạ can ( <i>Belamcanda chinensis</i> ); Ý dĩ ( <i>Coix lachryma-jobi</i> L); Sả ( <i>Cymbopogon nardus</i> ); Râu mèo ( <i>Orthosiphon stamineus</i> ).	
5	<b>Nam Trung Bộ</b>	<b>22.000</b>	Sâm Ngọc Linh ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv); Quế ( <i>Cinnamomum cassia</i> ); Tam thất ( <i>Panax notoginseng</i> ); Đảng sâm ( <i>Codonopsis javanica</i> ); Sâm bồ chính ( <i>Hibiscus sagittifolius</i> ); Sâm cau ( <i>Curculigo orchioides</i> ), Mạch môn ( <i>Ophiopogon japonicus</i> ); Sa nhân tím ( <i>Amomum spp</i> ); Lá Khôi ( <i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf); Bách bộ ( <i>Stemona tuherosa</i> Lour); Diệp Hạ Châu ( <i>Phyllanthus amarus</i> Schumach), Kim tiền thảo ( <i>Desmodium styracifolium</i> ); Hòe ( <i>Styphnolobium japonicum</i> ), Hy thiêm ( <i>Igesbeckia orientalis</i> L); Bồ bồ ( <i>Adenosma indianum</i> ); Nhân trần ( <i>Adenosma caeruleum</i> ); Cà Gai leo ( <i>Solanum hainanensis</i> ); Hà thủ ô đỏ ( <i>Fallopia multiflora</i> ); Mạch môn ( <i>Ophiopogon japonicas</i> ); Hương nhu trắng ( <i>Solanum hainanensis</i> ); Đương quy ( <i>Angelica sinensis</i> ); Ngưu tất ( <i>Achyranthes bidentata</i> Blume); Thiên môn đông ( <i>Asparagus cochinchinensis</i> ); Thổ phục linh ( <i>Smilax glabra</i> Roxb); Xạ	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm

			can ( <i>Belamcanda chinensis</i> ); Ý dĩ ( <i>Coix lachryma-jobi</i> L); Sả ( <i>Cymbopogon nardus</i> ); Râu mèo ( <i>Orthosiphon stamineus</i> ).	
6	<b>Tây Nguyên</b>	<b>20.000</b>	Sâm Ngọc Linh ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv); Đảng sâm Việt Nam ( <i>Codonopsis javanica</i> ); Lan kim tuyến ( <i>Anoectochilus roxburghii</i> ); Lá Khôi ( <i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf); Xuyên khung ( <i>Ligusticum wallichii</i> Franch); Ngũ vị tử ( <i>Schisandra</i> spp); Actiso ( <i>Cynara scolymus</i> L); Gừng ( <i>Zingiber officinale</i> ), Nghệ ( <i>Dioscorea collettii</i> Hook); Trinh Nữ Hoàng Cung ( <i>Crinum latifolium</i> ); Đương quy ( <i>Angelica sinensis</i> ); Xuyên khung ( <i>Ligusticum wallichii</i> Franch).	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm ; trồng dưới tán cây cà phê, cây ăn quả
7	<b>Đông Nam Bộ</b>	<b>1.500</b>	Trinh nữ hoàng cung <i>Crinum latifolium</i> ); Bạc hà ( <i>Mentha arvensis</i> L); Thiên môn đông ( <i>Asparagus cochinchinensis</i> ); Sâm cau ( <i>Curculigo orchioides</i> ); Hương nhu trắng ( <i>Solanum hainanensis</i> ; Xuyên tâm liên ( <i>Andrographis paniculata</i> ); Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> ).	Đất lâm nghiệp (dưới tán rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm ; trồng dưới tán cây cà phê, cây ăn quả
8	<b>Đồng bằng S cữu Long</b>	<b>2.500</b>	Trinh nữ hoàng cung ( <i>Crinum latifolium</i> ); Bạc hà ( <i>Mentha arvensis</i> L); Thiên môn đông ( <i>Asparagus cochinchinensis</i> ); Sâm cau ( <i>Curculigo orchioides</i> ); Hương nhu trắng ( <i>Solanum hainanensis</i> ; Xuyên tâm liên ( <i>Andrographis paniculata</i> ); Thiên niên kiện ( <i>Homalomena occulta</i> ).	Chủ yếu trên đất nông nghiệp

**Biểu 03: DỰ KIẾN KINH PHÍ**

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Tổng vốn (tr đồng)			Nguồn hỗ từ ngân sách (tr đồng)			Nguồn xã hội hóa (tr đồng)		
			Tổng vốn	Ngân sách	Xã hội hóa	Đơn giá	Khối lượng	Thành tiền	Đơn giá	Khối lượng	Thành tiền
<b>1</b>	<b>Nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống cây dược liệu</b>		<b>1,820,000</b>	<b>520,000</b>	<b>1,300,000</b>			<b>520,000</b>			<b>1,300,000</b>
1.1	Chọn, tạo giống và hoàn thiện quy trình sản xuất	giống	100,000	100,000		5000	20	100,000			
1.1	Hỗ trợ cơ sở sản xuất giống	Cơ sở	420,000	420,000	1,300,000		200	420,000		200	1,300,000
a	Cơ sở sản xuất giống Công nghệ cao	Cơ sở	60,000	60,000	400,000	3000	20	60,000	20000	20	400,000
b	Cơ sở sản xuất giống thông thường (hộ/nhóm hộ)	Vườn	360,000	360,000	900,000	2000	180	360,000	5000	180	900,000
<b>2</b>	<b>Phát triển vùng nguyên liệu tập trung (trồng mới)</b>		<b>9,135,000</b>	<b>1,275,000</b>	<b>7,860,000</b>			<b>1,275,000</b>			<b>7,860,000</b>
3.1	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung	ha	8,775,000	975,000	7,800,000	15	65000	975,000	120	65000	7,800,000
3.2	Lập hồ sơ quản lý, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc, xuất xứ theo tiêu chuẩn GACP		360,000	300000	60000	10	30000	300000	2	30000	60000
	<b>Tổng</b>		<b>10,955,000</b>	<b>1,795,000</b>	<b>9,160,000</b>						